

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

**[www.namkingroup.vn](http://www.namkingroup.vn)**



**TÔN NAM KIM**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**2017**





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**2017**







**TÔN NAM KIM**

**15 NĂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



## **THÔNG TIN CHUNG**

# 01

Tổng quan Công ty

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị & Bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

# 25

## **TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

Ban điều hành Công ty

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Những thay đổi trong ban điều hành

Tình hình nhân sự và chính sách với người lao động

# 35

## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

# 47

## **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đánh giá kết quả kinh doanh

Thị phần Công ty

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc  
đối với ý kiến của kiểm toán viên



**BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

57

**BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Giá trị kinh tế

Văn hóa Công ty

Tình hình lao động

Năng lượng và Môi trường

Trách nhiệm với xã hội

63

**QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Giao dịch, lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác

81

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2016**

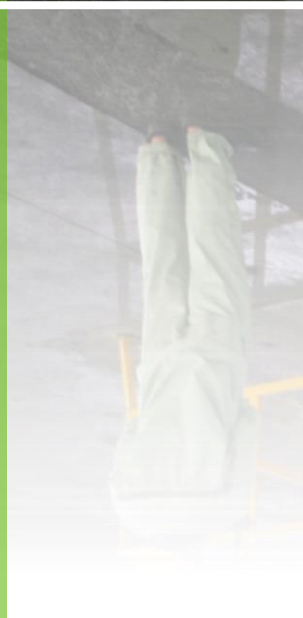
89



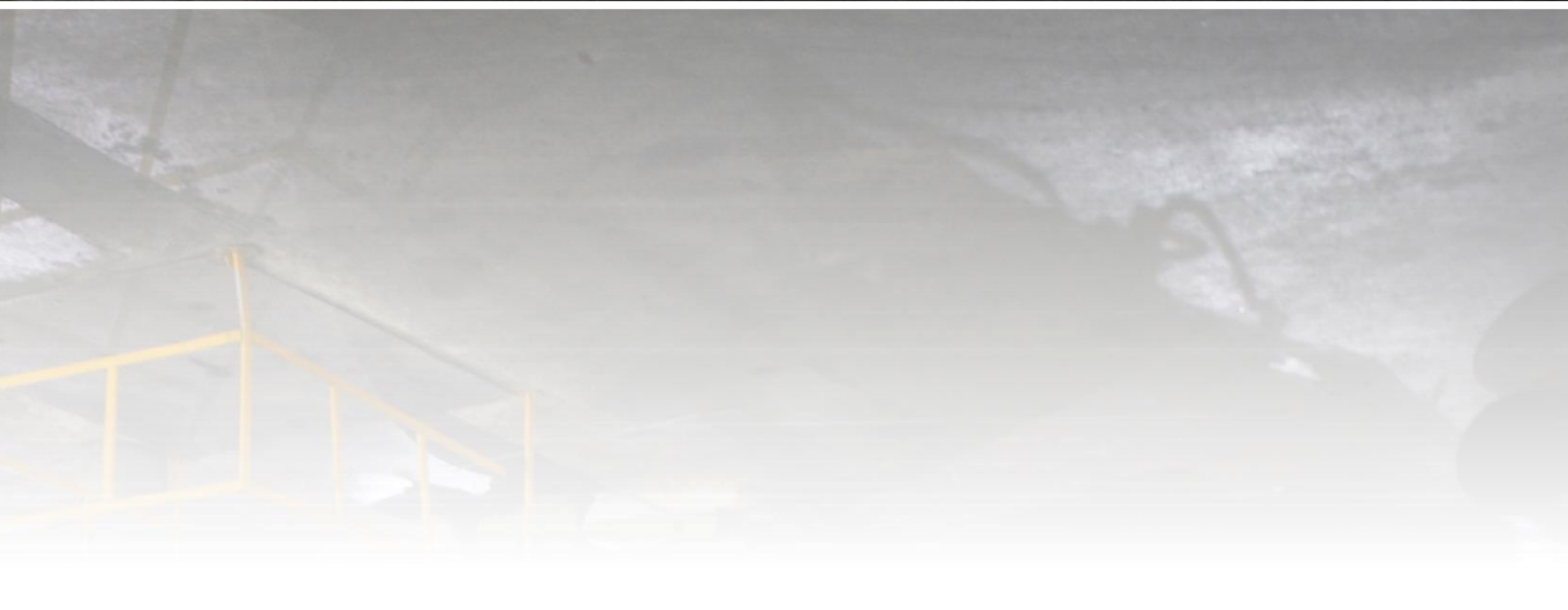
# THÔNG TIN CHUNG



- ✧ Thông tin khái quát
- ✧ Quá trình hình thành và phát triển
- ✧ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ✧ Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- ✧ Định hướng phát triển
- ✧ Rủi ro









## Tên công ty

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Tên Tiếng Anh : NAM KIM STEEL JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : NAKISCO

**Giấy CNĐKDN số** : 3700477019

**Vốn điều lệ** : 660.343.610.000 VNĐ

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 660.343.610.000 VNĐ

**Trụ sở chính** : Đường N1, cụm sản xuất An Thạnh, P.An Thạnh, TX. Thuận An, Bình Dương

**Số điện thoại** : (84-650) 3 748 848

**Số fax** : (84-650) 3 748 849

**Website** : [www.namkingroup.vn](http://www.namkingroup.vn)

**Mã cổ phiếu:** NKG





Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được thành lập vào năm 2002 với vốn điều lệ ban đầu là 60 tỷ đồng. Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm và tôn kẽm mạ màu được ứng dụng trong các công trình xây dựng, công nghiệp, dân dụng, các ngành thủ công mỹ nghệ và trang trí nội thất. Nhằm bắt được triển vọng phát triển của ngành thép trong tương lai, ngay thời điểm thành lập, Công ty đã tiến hành xây dựng nhà máy sản xuất với diện tích 42.545m<sup>2</sup> tại An Thạnh - Thuận An - Bình Dương.

Sản phẩm của Công ty được phân phối rộng rãi trên toàn lãnh thổ Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á. Xác định chiến lược phát triển bền vững của Công ty là luôn nâng cao chất lượng sản phẩm là yếu tố sống còn của doanh nghiệp. Nam Kim đã không ngừng cải tiến, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm để làm cơ sở phát triển bền vững, từng bước mở rộng thị phần trong nước và tìm kiếm thị trường xuất khẩu ra nước ngoài. Theo báo cáo của Hiệp hội Thép Việt Nam, Nam Kim là một trong 2 đơn vị đầu ngành về thị phần tôn thép mạ toàn quốc. Đây là một nỗ lực rất lớn và khẳng định sự không ngừng lớn mạnh của công ty cổ phần thép Nam Kim trong suốt thời gian qua.



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2002

Công ty cổ phần thép Nam Kim được thành lập Đường N1, Trụ sở chính cụm sản xuất An Thạnh, thị trấn An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

2009

Tổng Giám đốc Hồ Minh Quang chính thức điều hành công ty. Cũng trong năm này tổng doanh thu đạt mức 1.000 tỷ đồng.

2010

Khởi công xây dựng nhà máy thép Tấm lợp Nam Kim tại lô đất số B2.2-B2.3 đường D3. KCD Đồng An 2, Phường Phú Hòa, Thị xã Thủ Dầu 1, Tỉnh Bình Dương với tổng diện tích trên 66.000 m<sup>2</sup>. Tổng vốn đầu tư dự án dự kiến gần 1.000 tỷ đồng.

2010

Ngày 2/12/2010. Công ty Cổ phần Thép Kim Nam trở thành công ty đại chúng theo quyết định số 4011/UBCK-QLPH do UBCKNN cấp.

Ngày 10/01/2010 Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định số 05/2011/QĐ-SGDHCM chấp nhận đăng ký niêm yết đối với 23 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.

2011

Ngày 14/01/2011. 23 triệu cổ phiếu chính thức giao dịch lần đầu tại Công ty cổ phần thép Kim Nam tại sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18/02/2011 thực hiện theo nghị quyết HĐQT về việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Vốn điều lệ Kim Nam đã tăng lên 299 tỷ đồng

2012

Nhà máy thép Kim Nam 2 đi vào hoạt động với các sản phẩm thép chủ lực: tôn lạnh, tôn lạnh mạ màu, thép dày mạ kẽm, tôn mạ kẽm, tôn kẽm mạ màu, ống thép và xà gỗ.

2015

6/2015 khởi công nhà máy thép-Tấm lợp Nam Kim 3 với vốn đầu tư 2300 tỷ đồng. Địa điểm lô A1, đường D2, KCN Đồng An 2, phường Phú Lợi, Thủ Dầu 1, Bình Dương.  
12/2015 vốn điều lệ công ty tăng lên 500 tỷ đồng.

2016

Thực hiện thành công đợt phát hành riêng lẻ 16 triệu cổ phiếu cho đối tác chiến lược Vietnam Enterprise Investments Limited ("VEIL") và Unicoh Specialty Chemiscails Co.,Ltd nâng mức vốn điều lệ của công ty lên 660,34 tỷ đồng.

27/08/2016, tại nhà máy Thép – Tấm lợp Nam Kim 03 đã chính thức đưa vào vận hành dây chuyền mạ công nghệ NOF với công suất thiết kế 450.000 tấn/năm và cho ra lò cuộn tôn thương phẩm đầu tiên thành công.



## **TÔN MẠ LẠNH NAM KIM:**

### Thông số:

Tiêu chuẩn: JIS G 3321

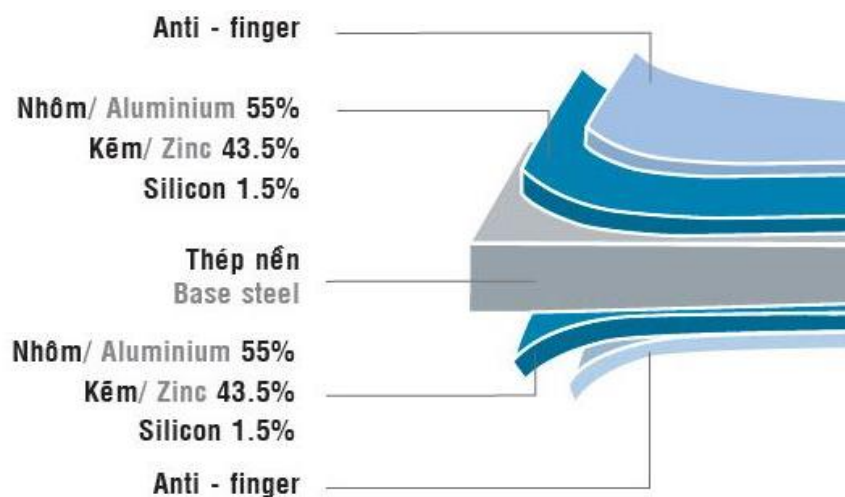
Công nghệ: NOF

Lượng mạ danh nghĩa: AZ50 ~AZ200

Độ dày tôn nền: 0.25~1 (mm)

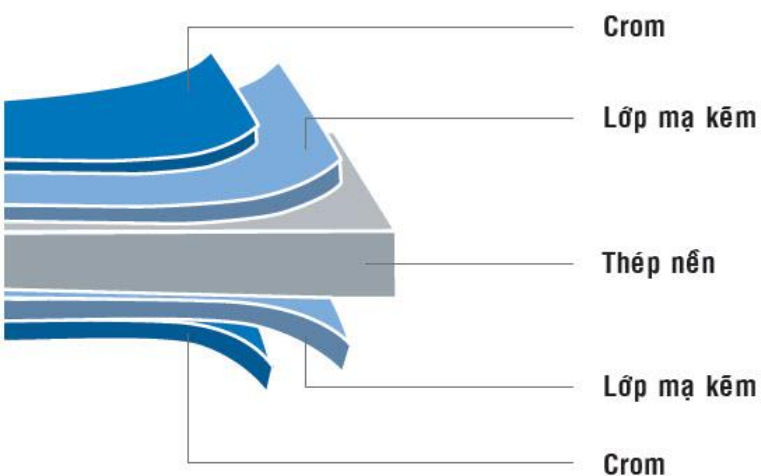
Khổ rộng: 600~1250 (mm)

"AZ" dùng để chỉ lớp mạ hợp kim nhôm kẽm.



### Tính năng vượt trội:

- Tôn mạ lạnh (tôn mạ hợp kim nhôm kẽm 55%) - NAKI ZINCALUM được sản xuất đặc biệt thích hợp với nhiều mục đích sử dụng, có tuổi thọ cao, bền hơn gấp nhiều lần so với các sản phẩm tôn mạ kẽm thông thường.
- Tôn mạ lạnh (tôn mạ hợp kim nhôm kẽm 55%) - NAKI ZINCALUM có khả năng chống ăn mòn cao, tính kháng nhiệt tốt, lớp phủ anti-finger giúp cho bề mặt sáng đẹp, chống ố - oxy hóa hiệu quả, giảm các bong tróc, trầy xước trong quá trình đập, cán.



## ***TÔN DÀY MẠ KẼM NAM KIM:***

### Thông số:

Tiêu chuẩn: JIS G 3302

Công nghệ: NOF

Lượng mạ danh nghĩa: A8 ~Z20 (\*)

Độ dày tôn nền: 1.5~4 (mm)

Khổ rộng: 200~500(mm)

"Z" dùng để chỉ lớp mạ kẽm.

### Tính năng vượt trội:

- Thép dày mạ kẽm (1.5-4.0mm) - NAKI ZINC chống ăn mòn tốt, không cần lớp sơn phủ bảo vệ bề mặt. được ứng dụng rộng rãi trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp với các dạng tấm lợp, vật liệu xây dựng, nhà thép tiền chế, sản xuất thép ống dày...
- Thép dày mạ kẽm (1.5-4.0mm) - NAKI ZINC đảm bảo chất lượng, phù hợp nhiều ứng dụng, tính thẩm mỹ cao. được ứng dụng trong công nghiệp đóng tàu, công nghiệp chế tạo xe hơi, xe máy, xe đạp, điện công nghiệp và gia dụng...



## ***TÔN MẠ MÀU NAM KIM:***

### ***Tôn kẽm mạ màu:***

#### ***Thông số:***

Tiêu chuẩn: JIS G 3312

Công nghệ: Trục sơn đảo chiều

Độ dày lớp mạ: 10-20/15-30 micron

Độ dày tôn nền: 0.25~1.0 (mm)

Khổ rộng: 600~1250 (mm)

#### ***Tính năng vượt trội:***

Tôn kẽm mạ màu NAKI COLOR là sản phẩm chất lượng cao, bền đẹp, được sản xuất bằng nguyên liệu tôn mạ kẽm công nghệ NOF, kết hợp với thiết bị kéo căng - cán phẳng SPM và kỹ thuật trục sơn đảo chiều tiên tiến.





### **Tôn lạnh mạ màu:**

#### **Thông số:**

Tiêu chuẩn: JIS G 3322

Công nghệ: Trục sơn đảo chiều

Độ dày lớp mạ: 10-20/15-30 micron

Độ dày tôn nền: 0.25~1.2 (mm)

Khổ rộng: 600~1250 (mm)

#### **Tính năng vượt trội:**

Tôn lạnh mạ màu NAKI COLOR được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến từ nguyên liệu nền hợp kim nhôm kẽm công nghệ NOF (công nghệ lò nung không Oxy) có chất lượng cao. Sản phẩm đa dạng về màu sắc, có tuổi thọ cao gấp nhiều lần so với sản phẩm tôn mạ kẽm thông thường, khả năng chống chịu thời tiết và chống nóng hiệu quả.





# NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

- Bằng khen ông Hồ Minh Quang - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nam Kim đã có thành tích tốt thực hiện bộ luật lao động năm 2012, giai đoạn (2013-2015) và đề án phát triển quan hệ lao động, giai đoạn 1 (2014-2015).
- Chứng nhận Công ty cổ phần Thép Nam Kim đạt doanh nghiệp mạnh và phát triển bền vững 2015 do phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, Trung tâm văn hóa doanh nhân trao tặng.





Tôn vinh khen thưởng Doanh Nghiệp thực hiện tốt bộ luật lao động (2013-2015) và đề án phát triển lao động (2014-2015) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương trao tặng.

Chứng nhận Nam Kim nằm trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt

Giấy khen Công ty cổ phần Nam Kim đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế 2015 do cục trưởng cục thuế tỉnh Bình Dương trao tặng.

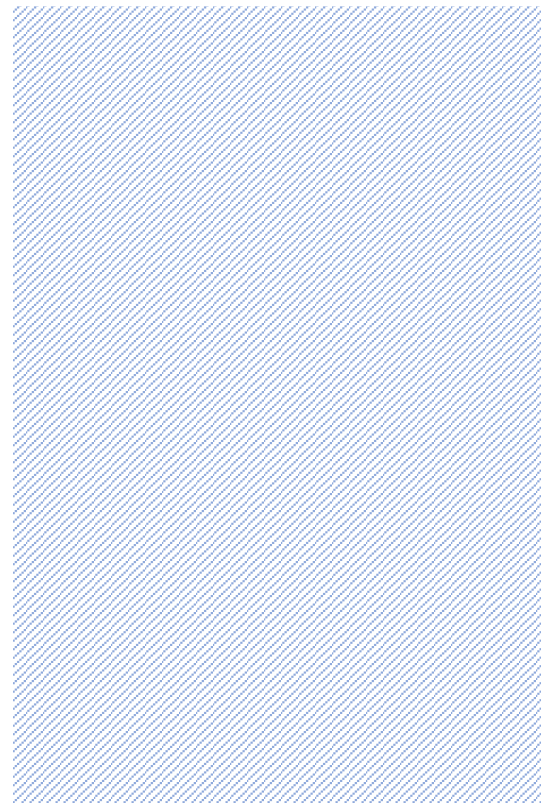
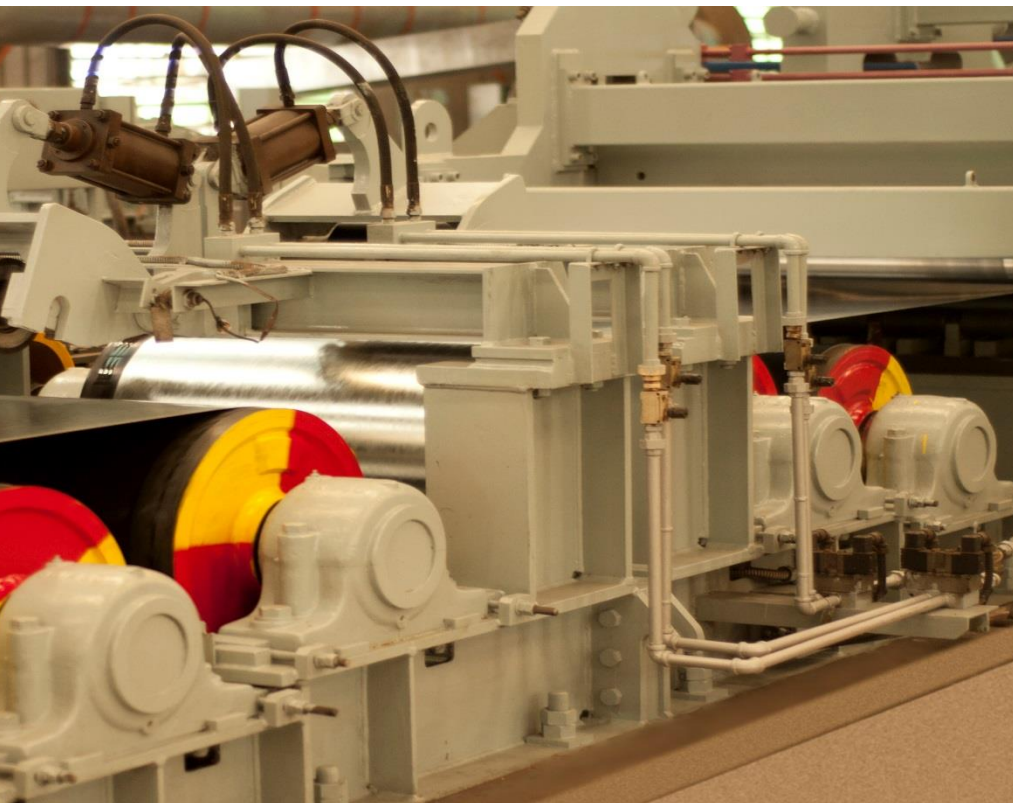




Hiện nay Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

- ✓ Sản xuất các sản phẩm kim loại chưa được phân vào đâu.
- ✓ Chi tiết: Sản phẩm các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm( tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn.
- ✓ Sản xuất sắt, thép, gang
- ✓ Chi tiết: sản xuất ống thép, thép hộp, thép hình, các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng thép mạ kẽm.
- ✓ Vận tải hàng hóa đường bộ.
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- ✓ Buôn bán kim loại và quặng kim ( mua bán sắt, thép các loại)
- ✓ Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại ( trừ xử lý và tráng phủ kim loại và không gia công tại trụ sở chính)





### **Địa bàn kinh doanh**

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim có địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu tại Tỉnh Bình Dương. Ngay từ những ngày đầu thành lập, Nam Kim đã không ngừng cải tiến, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, xem đó là nền tảng phát triển bền vững nhằm từng bước mở rộng thị phần trong nước và xuất khẩu.

Các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trong chính thị trường nội địa, rộng rãi trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, Nam Kim còn đẩy mạnh xuất khẩu sang nhiều quốc gia trên thế giới tại các Khu vực Đông Nam Á, Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Trung Đông ...



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



### **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Thuận An, Bình Dương

Điện thoại: 0650 3 748 848

Fax: 0650 3 748 868

### **Công ty con: CÔNG TY CỔ PHẦN ỒNG THÉP NAM KIM**

Địa chỉ: Lô C2, 16 đến Lô C2, 20, Đường VL1, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An



***Chi nhánh CTCP  
Thép Nam Kim***

Địa chỉ: Lô B2.2 - B2.3, Đường D3, KCN Đồng An 2, P. Hòa Phú,  
TX. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: 0650 3515 020

Fax: 0650 3589 707

***Chi nhánh CTCP  
Thép Nam Kim  
Miền Bắc***

Địa chỉ: Tầng 6, Số 72, Trần Đăng Ninh, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 043 200 6392

Fax: 043 200 6393

***Chi nhánh CTCP  
Thép Nam Kim  
Miền Tây***

Địa chỉ: Km 2045, Quốc lộ 1A, Ấp Phước Hòa, Xã Hòa Phú, Huyện  
Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long

***Nhà máy Thép  
– Tấm lợp  
Nam Kim 2***

Địa chỉ: Lô B2.2 - B2.3, Đường D3, KCN Đồng An 2, P. Hòa Phú, TX.  
Thủ Dầu Một, Bình Dương

Vốn đầu tư: 1.000 tỷ đồng

***Nhà máy Thép  
– Tấm lợp  
Nam Kim 3***

Địa chỉ: Lô A1, Đường D2, KCN Đồng An 2, P. Hòa Phú, TX. Thủ Dầu  
Một, Bình Dương

Vốn đầu tư: 2.300 tỷ đồng

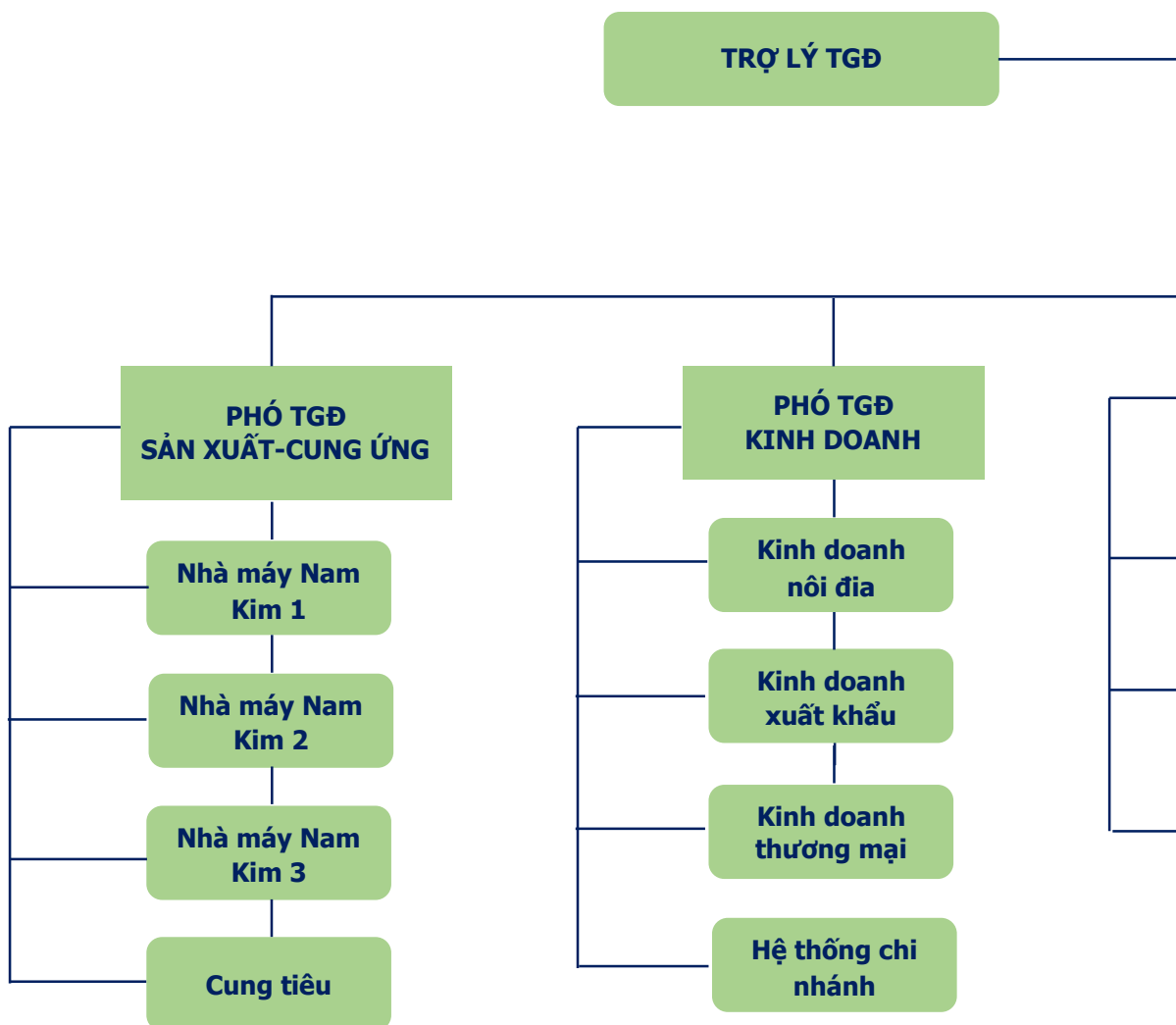


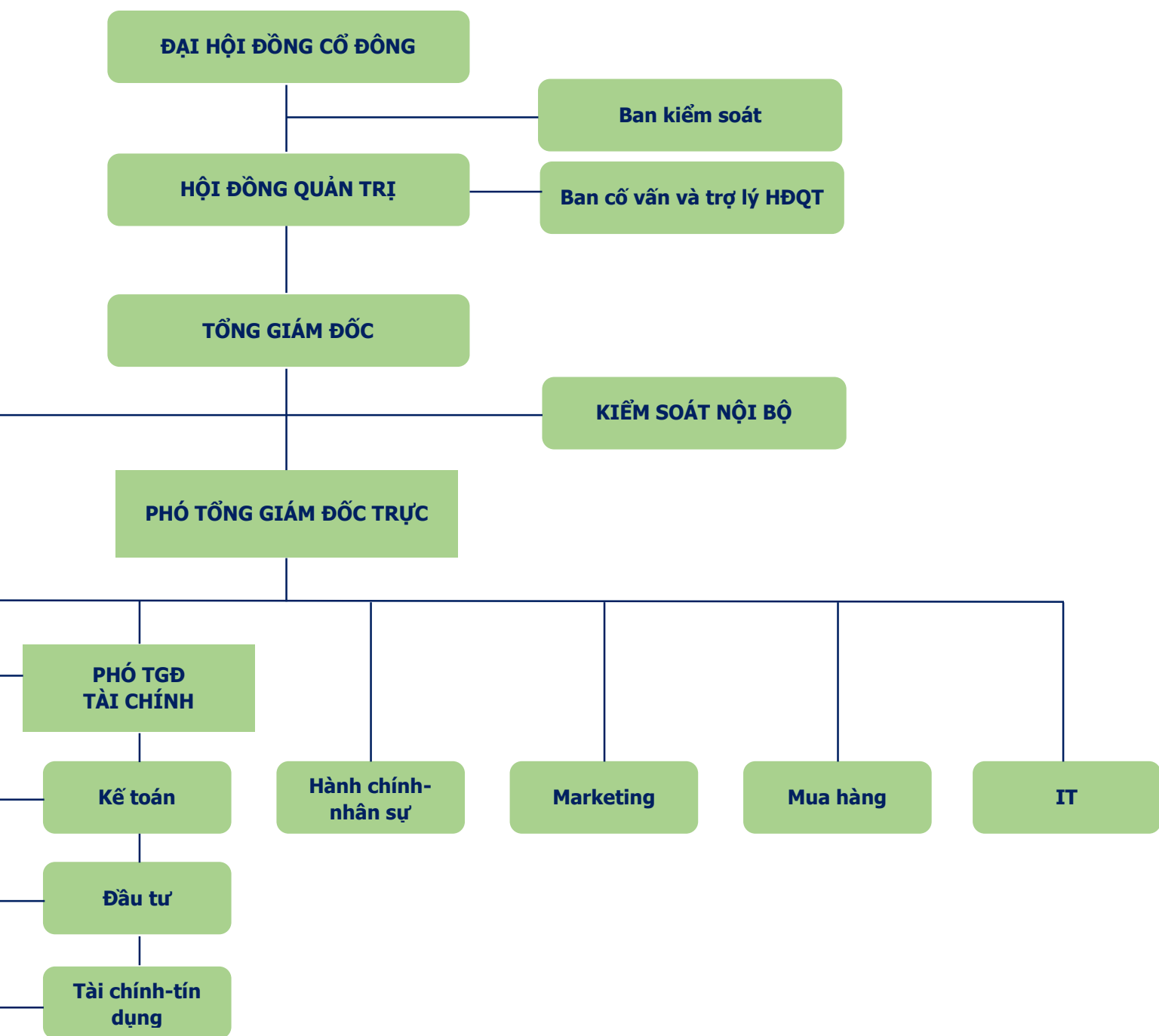
## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của NKG được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị Công ty
- Ban kiểm soát
- Ban Giám đốc

## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## TÂM NHÌN

Trở thành 1 trong 2 đơn vị dẫn đầu ngành tôn thép mạ Việt Nam.

## SỨ MỆNH

- Chia sẻ cộng đồng
- Chung tay vì môi trường
- Trách nhiệm xã hội

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Nỗ lực không ngừng là phương châm phấn đấu để phát triển.



Thái độ làm việc chuyên nghiệp là văn hoá đặc trưng của Nam Kim



Đạo đức là cốt lõi của mọi hành động, là cam kết cho giá trị bền vững của Nam Kim.



Kiến thức là chìa khoá của Nam Kim trong sứ mệnh phục vụ cho lợi ích con người.



Đổi mới là tiến trình thiết yếu để đạt được sự đáp ứng tốt nhất và phát triển tối ưu.



Đáp ứng niềm tin của Quý khách hàng chính là thước đo thành công.



## Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Với phương châm “Cam kết chất lượng” đem đến cho khách hàng những sản phẩm tốt nhất cùng với chính sách chăm sóc chu đáo và giá cả cạnh tranh nhất. Công ty Cổ phần Thép Nam Kim sẽ tiếp tục đẩy mạnh sự tăng trưởng, giữ vững vị trí là 1 trong 2 đơn vị dẫn đầu ngành về thị phần tôn thép mạ toàn quốc. Đây là mục tiêu và kết quả cần đạt được để khẳng định sự chuyển biến lớn mạnh của Nam Kim trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, Công ty sẽ có những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao tiềm lực tài chính, năng lực cạnh tranh, đổi mới năng lực quản lý, mô hình kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm theo chuẩn quốc tế để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong giai đoạn hội nhập. Đảm bảo hoạt động của công ty thép Nam Kim tăng trưởng ổn định, an toàn, hiệu quả, song song đó thực hiện tốt trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng.

## Định hướng phát triển trung và dài hạn

Dựa vào chiến lược phát triển ngành cốt lõi, Công ty Cổ phần Thép Nam Kim tập trung xây dựng một doanh nghiệp thép hiện đại với các dây chuyền sản xuất được nhập khẩu từ các nước tiên tiến;

Các sản phẩm của Nam Kim được sản xuất bằng công nghệ hiện đại, do Tập đoàn Posco (Hàn Quốc) và các tập đoàn ngành thép lớn trên thế giới chuyển giao lắp đặt, với nguồn nguyên liệu có chất lượng hàng đầu được nhập khẩu từ các nước tiên tiến;

Bên cạnh đó, Nam Kim tiếp tục đầu tư mới 100% các dây chuyền gia công xử lý thép cuộn, với công nghệ tiên tiến nhất của Cộng hòa Liên bang Đức. Đây là một hoạt động chiến lược kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường nước ngoài;

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim chú trọng phát triển hoạt động kinh doanh và tăng trưởng bền vững. Lấy khách hàng làm trọng tâm, liên tục cải tiến sản phẩm và mở rộng kênh phân phối, nâng cao chất lượng phục vụ với mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tôn thép mạ. Tiếp tục mở rộng thị trường các nước có yêu

cầu tiêu chuẩn kỹ thuật cao, đặc biệt một số nước như: Đức, Italia, Nga, Mỹ, Úc... Mở rộng quan hệ đại lý tiếp tục đưa các sản phẩm mới nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu thị trường;

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim chú trọng phát triển nguồn nhân lực, xem đây là nền tảng cơ bản quyết định sự thành công của Công ty. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng, đặt ra lộ trình phát triển nhân sự chất lượng cao, đảm bảo thu hút nguồn nhân lực. Áp dụng cơ chế trả lương phù hợp nhằm tạo động lực tạo ra giá trị thặng dư trong lao động, nhằm khuyến khích người lao động tập trung cống hiến cho sự phát triển của Công ty;

Nâng cao năng lực tài chính thông qua kết quả kinh doanh đạt hiệu quả, tăng cường quy mô vốn chủ sở hữu đảm bảo tương xứng với quy mô hoạt động. Nam Kim tái cấu trúc, hoàn thiện chuẩn hóa mô hình tổ chức. Tái cơ cấu bộ máy quản lý thông qua việc chuyên biệt hóa các bộ phận: Khối kinh doanh, khối sản xuất, khối quản trị rủi ro... Nhằm quản lý tập trung xuyên suốt các lĩnh vực hoạt động kinh doanh và quản trị điều hành từ Hội sở chính đến các chi nhánh, phù hợp với thông lệ các công ty quản trị hàng đầu thế giới.

# CÁC RỦI RO

## ***Rủi ro về kinh tế***

Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2016 của Việt Nam đạt 6,21% chưa đạt kế hoạch đề ra nhưng nhìn chung được đánh giá là tốt trong bối cảnh kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Ngành xây dựng và công nghiệp tiếp tục có sự tăng trưởng với mức 7,57%, thu hút vốn đầu tư nước ngoài tăng 9% đạt mức 15,8 tỷ USD, thị trường bất động sản ấm trở lại sau nhiều năm đóng băng nên nhu cầu thép có sự gia tăng. Đây chính là điều kiện thuận lợi để Nam Kim tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới.

Có thể thấy, sự ổn định của nền kinh tế xã hội là một trong những yếu tố quan trọng để các doanh nghiệp nói chung và NKG nói riêng phát triển bền vững. Dự đoán tốc độ tăng trưởng GDP 2017 sẽ khoảng 6.7% tuy không lớn hơn nhiều so với năm nay nhưng với việc môi trường kinh doanh tại Việt Nam ngày một hoàn thiện mà minh chứng là mốc kỉ lục 110.000 doanh nghiệp được thành lập trong năm 2016 sẽ là một nền tảng tốt để kinh tế Việt Nam có bước phát triển ổn định trong tương lai. (Nguồn: Dữ liệu được tổng hợp từ website Tổng cục Thống kê [gso.gov.vn](http://gso.gov.vn))

### ***Rủi ro pháp luật***

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim là doanh nghiệp luôn có sự quan tâm đến văn bản pháp luật hiện hành như: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật hàng hải, Luật đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường và các luật khác. Trong những năm gần đây, các văn bản luật nền tảng cùng với các quy định về kế toán, thuế, chứng khoán đã có sự thay đổi, điều này tạo ra những thách thức trong công tác cập nhật và triển khai thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Công ty.

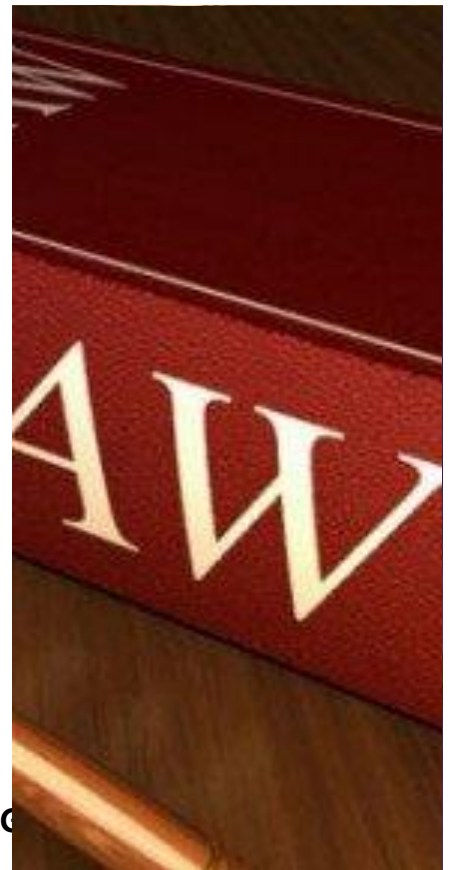
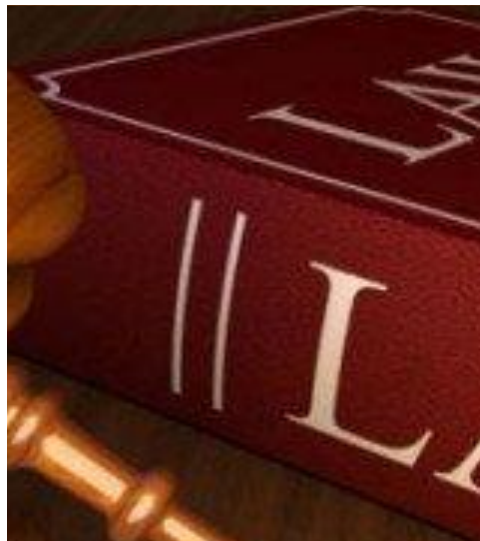
Năm 2016 là năm Chính phủ đã áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (tự vệ đối với phôi thép, thép dài, tôn màu, chống bán phá giá đối với tôn mạ) để bảo vệ ngành thép trong nước. Các biện pháp này có tích cực đối với ngành thép nói chung và NKG nói riêng.

Với những thuận lợi đan xen thách thức khi các quy định thay đổi, Công ty luôn cố gắng, chú ý nghiên cứu đánh giá tác động của các quy định này đến hoạt động của mình từ đó có kế hoạch cập nhật, học hỏi và triển khai áp dụng đối với các nghiệp vụ có liên quan, góp phần hạn chế tối thiểu tác động tiêu cực của rủi ro pháp luật.

### ***Rủi ro cạnh tranh***

Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA), kết thúc đàm phán Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và hình thành Cộng đồng ASEAN sẽ mở ra cơ hội và không gian phát triển rộng lớn hơn, nhưng thách thức cũng lớn hơn. Tiến trình này sẽ thu hút mạnh các nhà đầu tư ngoại tham gia vào nền kinh tế, tạo nên sự đa dạng trong cả cung và cầu, song song đó là sự cạnh tranh mạnh mẽ do hội nhập mang lại, nhất là cạnh tranh ngày càng gay gắt ngay cả trên thị trường trong nước.

Thị trường Việt Nam vốn là một thị trường lớn với tổng lượng tiêu thụ hằng năm luôn ở mức cao, trong đó chủ yếu là thép từ thị trường Trung Quốc. Để đối phó với vấn đề này, công ty không những phải nâng cao chất lượng sản phẩm của chính mình mà còn phải xây dựng chính sách bán hàng, giá thành hợp lý để cạnh tranh với các doanh nghiệp khác cả trong và ngoài nước.





## CÁC RỦI RO

### **Rủi ro nguyên vật liệu**

Đánh giá về ngành công nghiệp, xây dựng và bất động sản trong nước cho thấy những lĩnh vực này có nhiều triển vọng tích cực trong thời gian tới do vậy dự báo về nhu cầu tiêu thụ thép trong nước sẽ tăng cao. Sản xuất thép trong nước phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu (~70% thép vụn, 40-50% phôi thép phải nhập khẩu) nên giá thép trong nước cũng chịu tác động mạnh từ biến động giá thép thế giới. Mặt khác, khi nguồn cung cấp nguyên liệu không ổn định sẽ khiến cho việc dự báo giá cả, nhu cầu sản xuất bán hàng của

công ty trở nên khó khăn. Điều này ít nhiều ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của công ty. Do vậy thép Nam Kim luôn có những biện pháp, những chiến lược phù hợp để bám sát thị trường, phản ứng kịp thời đối với những biến động về nguyên vật liệu để quá trình sản xuất được diễn ra liên tục, kiểm soát tốt chi phí, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận đúng như kế hoạch đã đề ra.

### **Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Thép Nam Kim chủ yếu sử dụng nguyên liệu đầu vào là thép nhập khẩu từ nước ngoài. Vì vậy biến động tỷ giá là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trong năm qua, ngân hàng nhà nước đã đưa ra chế độ tỷ giá mới (tỷ giá trung tâm) nhằm ổn định tỷ giá hối đoái, giúp các doanh nghiệp tránh được các rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu. Kết quả cho thấy thị trường ngoại hối năm 2016 diễn ra khá ổn định, trong thời gian tới với việc giám sát tỷ giá theo cơ chế mới, Ngân hàng Nhà nước sẽ cố gắng để tỷ giá duy trì được tình trạng ổn định, bên cạnh đó cũng chuẩn bị các phương án để ứng phó trong trường hợp có những biến động. Vậy nên để hạn chế tối thiểu rủi ro về tỷ giá bên cạnh việc xây dựng chính sách nhập khẩu nguyên liệu, dự trữ hàng tồn kho hợp lý, công ty còn phải chủ động cân đối lượng ngoại tệ ra vào một cách đúng đắn, linh hoạt.



### **Rủi ro khác**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì có thể tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm của Công ty.



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ





- Ban Điều hành Công ty
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Những thay đổi trong Ban Điều hành
- Tình hình nhân sự và Chính sách đối với người lao động



# BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Thành viên Ban Điều hành của Công ty như sau:

Thành viên Ban Điều hành	Chức Vụ
Ông Phạm Mạnh Hùng	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Vinh An	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Quốc Phong	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Quảng Trọng Lăng	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Trần Ngọc Diệu	Kế toán trưởng

## ÔNG **PHẠM MẠNH HÙNG**

*Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc*

Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh Doanh

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 655.796 cổ phần - tỷ lệ 0,99%

Quá trình công tác:

1987 – 2004: Trưởng phòng KH-KD công ty VTTH - Bình Định

2004 – 2007: Trưởng phòng KHTH sở kế hoạch Bình Định

2007 – 2011: Giám đốc KH và Phó Tổng Giám Đốc - CTCP Tập đoàn Hoa Sen

2011 – 2013: Phó Tổng Giám Đốc CTCP Thép Nam Kim

2013 – nay: Tổng Giám Đốc CTCP Thép Nam Kim.

## ÔNG **NGUYỄN VINH AN**

*Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc*

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 230.952 cổ phần – tỷ lệ 0,35%

Quá trình công tác:

04/2003 - 11/2003: Công tác tại Công ty xây lắp điện 2

2003 – 2007: Công tác tại Công ty SunSteel

2007 – 2011: Công tác tại Công ty cổ phần Hoa Sen

2011 – nay: Công tác tại Công ty cổ phần Thép Nam Kim

**BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN**

*Phó Tổng Giám đốc*

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 140.760 cổ phần - tỷ lệ 0,21%

Quá trình công tác:

2002 – 2011: Công ty Cổ phần Hoa Sen

2011 – nay: Công ty Cổ phần Thép Nam kim

**ÔNG NGUYỄN QUỐC PHONG**

*Phó Tổng Giám Đốc*

Trình độ chuyên môn: Kinh tế thương mại

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 159.600 cổ phần – tỷ lệ 0,24%

Quá trình công tác:

03/2001 - 11/2006: Công tác tại Công ty xây dựng Hùng Vương

04/2007 - 06/2010: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoa Sen

03/2012 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần thép Nam Kim

**ÔNG QUẢNG TRỌNG LĂNG**

*Phó Tổng Giám Đốc*

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 157.320 cổ phần – tỷ lệ 0,24%

Quá trình công tác:

11/2011 – 12/2013: Công tác tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

02/12/2013 – nay: Giữ chức Phó Tổng Giám Đốc Kế Hoạch và Cung Ứng

**BÀ TRẦN NGỌC DIỆU** - kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 236.819 cổ phần – tỷ lệ 0,36%

Quá trình công tác:

Đến ngày 19/11/2011: Phòng KSNB Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

Đến ngày 30/11/2013: Thành viên BKS Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

12/2013 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thép Nam Kim



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị	Chức Vụ
Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
Bà Trần Uyển Nhân	Thành viên HĐQT
Ông Lương Thanh Bình	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Vinh An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

## **ÔNG HỒ MINH QUANG**

*Chủ tịch Hội đồng quản trị*

Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh Doanh

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 8.960.022 cổ phần - tỷ lệ 13,57%

Quá trình công tác:

1998 – 2007: Giám Đốc Công ty TNHH Thái Sơn

2007 – 2009: Giám Đốc Công ty TNHH Minh Phát

Từ 10/2009: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Thép Nam Kim

2010 – 2011: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Thép Nam Kim

09/2011 – nay: Chủ tịch Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

*(\*) Sơ yếu lý lịch của Ông Phạm Mạnh Hùng và Ông Nguyễn Vinh An vui lòng xem tại mục Sơ yếu lý lịch của Ban Điều hành Công ty*

**ÔNG LƯƠNG THANH BÌNH**

*Thành viên Hội đồng quản trị*

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 229.003 cổ phần - tỷ lệ 0,35%

Quá trình công tác:

Thời gian

1993 – 2003: Công tác tại đại lý hàng hải VN VOSA

2003 – 2014: Công tác tại Công ty TNHH Ánh Hào Quang

2014 – nay: Thành Viên HĐQT Công ty Cổ Phần Thép Nam Kim

**BÀ TRẦN UYẾN NHÀN**

*Thành viên HĐQT*

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 7.890.760 cổ phần - tỷ lệ 11,95%

Quá trình công tác:

Thời gian

2000 – 2010: Giám đốc Công ty TNHH Nghiệp Quyền

2010 – nay: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thép Trường Giang. Thành viên Hội đồng quản trị HĐQT Công ty Cổ Phần Thép Nam Kim

## BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát của công ty như sau:

Thành viên Ban Kiểm soát	Chức Vụ
Bà Phan Thị Vân Anh	Trưởng Ban Kiểm Soát
Ông Trương Thế Thiện	Thành viên Ban Kiểm Soát
Bà Võ Thị Vui	Thành viên Ban Kiểm Soát

BÀ **PHAN THỊ VÂN ANH** – Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân cao đẳng toán – tin

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 3.201 cổ phần – tỷ lệ 0,005%

Quá trình công tác:

2002 – 2003: Công tác tại Công ty giày da Pouyen - Bình Chánh

2003 – 2004: Công tác tại Công ty Giày da Hùng Huy - Bình Chánh

2004 – nay: Công tác tại Công ty Cổ Phần Thép Nam Kim

04/2014 – nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Thép Nam Kim



ÔNG **TRƯƠNG THẾ THIỆN** – Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Quá trình công tác:

11/2010-6/2012: Nhân viên dự án chi nhánh công ty Cổ Phần Thép Nam Kim

6/2012-12/2013: Trưởng phòng KCS-Hóa nhiệm chi nhánh công ty Cổ Phần Thép Nam Kim.

12/2013-nay: Phó Giám Đốc sản xuất chi nhánh công ty Cổ Phần Thép Nam Kim.

4/2015-nay: Thành viên Kiểm soát công ty Cổ Phần Thép Nam Kim

BÀ **VÕ THỊ VUI** – Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Quá trình công tác:

12/2017 – 02/2010: Làm việc tại Công ty TNHH CNA Chemical – Bình Dương

03/2010 – nay: Làm việc tại Công ty cổ phần Thép Nam Kim

### **Những thay đổi trong Ban Điều hành**

*Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐQT ngày 22/08/2016, theo đó Hội đồng quản trị đã thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Nguyễn Hữu Hạnh vì lý do đảm nhận công tác mới trong Công ty và bổ nhiệm ông Nguyễn Vinh An hiện là Thành viên Hội đồng quản trị sẽ kiêm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc thay thế ông Nguyễn Hữu Hạnh.*

# TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



## Chế độ làm việc

- ❖ Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, chế độ nghỉ theo quy định của luật lao động. Đối với cán bộ công nhân trực tiếp sản xuất, Công ty đang tổ chức sản xuất theo ca, đảm bảo tiến độ sản xuất, tuân thủ theo quy định của pháp luật.
- ❖ Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, nhà ăn sạch sẽ, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty đang trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

## Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- ❖ Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: Có trình độ chuyên môn, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.
- ❖ Chính sách nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và giàu kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để tạo sự gắn bó lâu dài, thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty. Ngoài ra hàng năm, Công ty còn cử CBCNV đi đào tạo để nâng cao tay nghề, trình độ kiến thức và nghiệp vụ.

## CHÍNH SÁCH LƯƠNG VÀ THƯỞNG

### Chính sách lương và thưởng

- ❖ Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương theo cơ sở thang bảng lương của Nhà nước và các đơn vị cùng ngành, hệ suất năng suất của từng cá nhân và dựa trên tình hình kinh doanh của Công ty. Hiện tại, mức lương bình quân của Công ty hiện tại là: 8.357.773 đồng/người/tháng.
- ❖ Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên sự gia tăng hiệu quả đóng góp, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động, CBCNV trong Công ty còn được hưởng một số quyền lợi khác như được ưu tiên mua cổ phiếu của Công ty, mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của bản thân người lao động cho Công ty và do ĐHĐCĐ quy định.
- ❖ Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

### Tình hình nhân sự của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

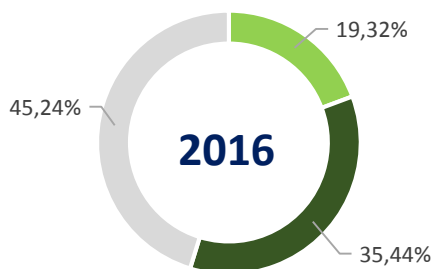
Tổng số lao động năm 2016 là 1.092 người

STT	Tính chất phân loại	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ trọng 2016
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>699</b>	<b>1.092</b>	<b>100,00%</b>
1	Trình độ đại học, trên đại học	130	211	19,32%
2	Trình độ cao đẳng, Trung cấp	123	387	35,44%
3	Khác	394	494	45,24%
<b>B</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>781</b>	<b>1.092</b>	<b>100,00%</b>
1	Nữ	62	81	7,42%
2	Nam	719	1011	92,58%

### THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM (ĐỒNG/THÁNG/NGƯỜI)

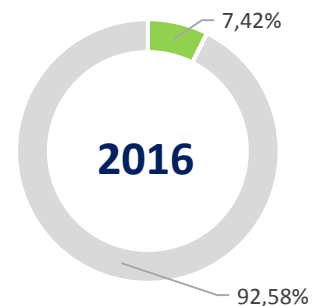
STT	Năm	Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)
1	2014	6.782.019
2	2015	8.788.675
3	2016	8.357.773
4	Dự kiến 2017	8.875.473

Cơ cấu lao động theo trình độ



- Trình độ đại học, trên đại học
- Trình độ cao đẳng, Trung cấp
- Khác

Cơ cấu lao động theo giới tính



- Nữ
- Nam



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ❖ Tình hình hoạt động kinh doanh
- ❖ Tình hình hoạt động đầu tư
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu





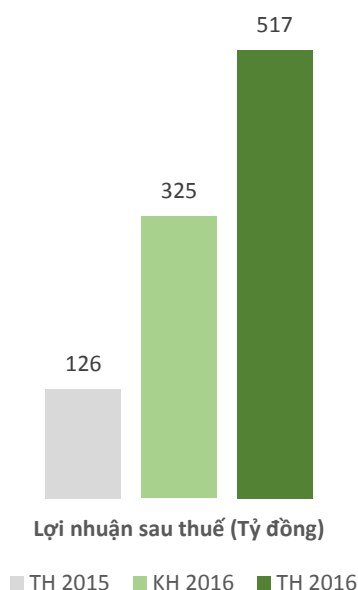


N<sub>2</sub>

liquid N<sub>2</sub>

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	KH 2016	TH 2016	%TH/KH 2016	%TH 2016/2015
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	5.750	7.900	8.936	113,11%	155,41%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	438,9	660,3	660,3	100%	150,44%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	126	325	517	159,08%	410,32%
LNST/DTT	%	2,19%	4,11%	5,79%	-	-
LNST/VĐL	%	28,71%	49,22%	78,30%	-	-

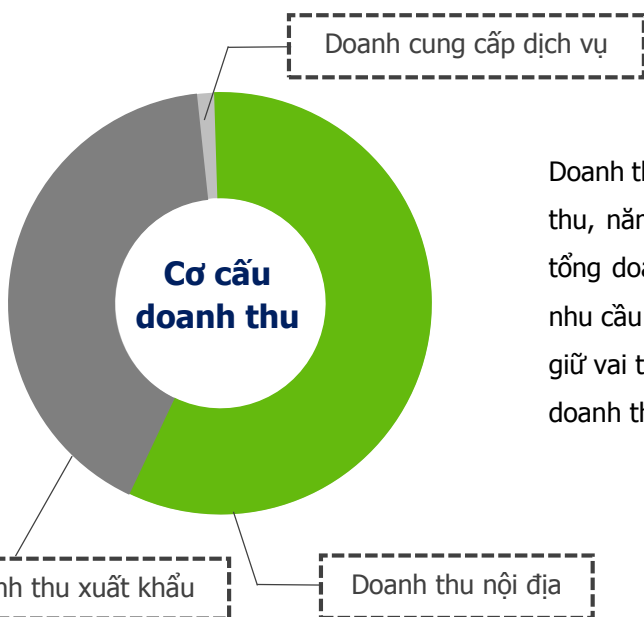


Kết thúc năm tài chính 2016 lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt mức 517,8 tỷ đồng, vượt mức 59,08% so với kế hoạch và tăng mạnh đến 310,32% so với năm trước. Mặc dù vẫn còn gặp phải những khó khăn trong quá trình hoạt động do sự biến động của giá nguyên liệu thép cán nóng, thị trường xuất khẩu phải đối mặt với các biện pháp chống bán phá giá, phòng vệ thương mại từ các quốc gia trong khu vực nhưng với chỉ chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành nhất quán của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong các công tác từ hoạt động sản xuất, kinh doanh đến tài chính Nam Kim cũng đã gặt hái được những kết quả tích cực trong quá trình hoạt động.

Trong năm, Công ty cũng đã đưa vào vận hành dây chuyền mạ NOF, 02 chảo mạ có thể cho ra 02 loại sản phẩm là Tôn kẽm và Tôn lạnh tại Nhà máy Nam Kim 3. Tổng công suất của dây chuyền là 300.000 tấn/năm, đây là dự án mà NKG đã tập trung triển khai trong suốt thời gian qua. Dự án Nam Kim 3 được xem như vị trí chiến lược để phát triển kinh tế của Nam Kim nhờ vào lợi thế về hạ tầng cơ sở, hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại kết hợp với nguồn nhân lực dồi dào, ngoài ra toàn thể Nhà máy cũng đang là điểm nhấn nổi bật trên bức tranh toàn cảnh Khu công nghiệp Đông An 2.



Loại doanh thu	ĐVT	Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu nội địa	Triệu đồng	3.034.487	52,72%	5.004.627	55,97%
Doanh thu xuất khẩu	Triệu đồng	2.705.642	47,00%	3.869.039	43,27%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	16.031	0,28%	67.949	0,76%
<b>Tổng cộng</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>5.756.160</b>	<b>100%</b>	<b>8.941.615</b>	<b>100%</b>



Doanh thu nội địa đang chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cơ cấu tổng doanh thu, năm 2016 khoản mục này đạt mức 5,00 tỷ đồng chiếm 55,97% tổng doanh thu điều này phản ánh đúng với xu hướng thị trường khi nhu cầu về tôn mạ nội địa đang tăng mạnh. Hoạt động xuất khẩu cũng giữ vai trò không kém phần quan trọng khi đã chiếm đến 43,32% tổng doanh thu trong năm qua, đạt mức 3,87 tỷ đồng.

Hiện nay, sản phẩm của Nam Kim đã có mặt tại thị trường các nước Đông Nam Á như Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Myanmar, Philippine...thông qua những chuyến công tác để trực tiếp đưa sản phẩm sang nước ngoài, sản phẩm của Nam Kim còn được xuất khẩu thông qua các văn phòng đại diện tại Việt Nam của các công ty nước ngoài và công ty đa quốc gia (mua tại Việt Nam và tự xuất). Uy tín càng được khẳng định khi bạn hàng quốc tế tìm đến và trực tiếp mua hàng tại Nam Kim. Trong năm qua Công ty đã có được nhiều thuận lợi tại các quốc gia này bởi thuế chống bán phá giá được áp dụng đã làm giảm đáng kể áp lực cạnh tranh của sản phẩm của Trung Quốc.

Trong thời gian tới với việc nâng cao công suất sản xuất nhờ vào việc đưa vào hoạt động thêm nhiều dây chuyền mới, Ban lãnh đạo công ty hy vọng sẽ tiếp tục gặt hái được nhiều kết quả tích cực hơn nữa, qua đó tạo được việc làm ổn định cho người lao động và mang lại nhiều lợi ích kinh tế hơn nữa cho cổ đông Công ty.

## Dự án Nhà máy Nam Kim 3

Dự án Nhà máy Thép – Tấm lợp Nam Kim 3 được đầu tư với công nghệ hiện đại nhất Châu Âu nhằm sản xuất ra các dòng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe nhất của các thị trường khó tính Như Mỹ, Nga, Tây Âu,... Tiến độ xây dựng nhà máy Nam Kim 03 xét về tổng thể đã và đang theo đúng tiến độ, cụ thể:

- Tháng 09.2016 đã đưa vào vận hành 01 dây chuyền mạ NOF khổ 1250mm, 02 chảo mạ có thể cho ra 02 loại sản phẩm là Tôn kẽm và Tôn lạnh. Tổng công suất của dây chuyền là 300,000 tấn/năm;
- T03.2017 đã đưa vào hoạt động thêm 01 dây chuyền tẩy rỉ (PO) khổ 1450mm có công suất 600,000 tấn/năm Và 01 dây chuyền cán nguội khổ 1450mm có công suất cán 400,000 tấn/năm;
- Dự kiến thời gian tới sẽ đưa các dây chuyền còn lại đi vào vận hành: 01 Dây chuyền mạ NOF công suất 150,000 tấn/năm và 01 DC Mạ màu công suất 120,000 tấn/năm dự kiến đi vào hoạt động khoảng T06.2017; T09.2017 sẽ đưa thêm 01 dây chuyền Cán nguội công suất 200,000 tấn/năm vào hoạt động; T12.2017 dự kiến sẽ đưa dây chuyền Mạ NOF (Sản phẩm Kẽm, Lạnh) công suất 350,000 tấn đi vào hoạt động theo đúng tiến độ.

Dự án nằm ở vị trí chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh Bình Dương với hệ thống giao thông thuận lợi, cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại cùng với nguồn nhân lực dồi dào, nhiều năm kinh nghiệm của CBCNV công ty. Kết hợp hệ thống dây chuyền hiện đại, khép kín là một lợi thế cạnh tranh lớn về chất lượng sản phẩm cũng như chi phí sản xuất được tiết giảm tối đa tiêu hao nhiên liệu, hạ giá thành sản phẩm. Hiện công ty đang đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, dự kiến sẽ hoàn thành toàn bộ dự án vào cuối năm 2017.





#### **Dự án Nhà máy Ống thép Nam Kim tại Long An**

Dự án Nhà Máy Ống Thép Nam Kim được khởi công xây dựng từ T04.2016 trên diện tích 32,000 m<sup>2</sup> với vốn đầu tư khoảng 60 tỷ đồng. Khi hoàn thành Nhà máy vận hành 09 máy sản xuất thép hộp với tổng công suất 180,000 tấn/năm. Dự kiến hoàn thành và cho ra sản phẩm vào Quý 2 năm 2017.

#### **Dự án đầu tư Công ty cổ phần Nam Kim Corea**

CTCP Nam Kim Corea dự kiến thành lập vào Quý 2 năm 2017. CTCP Thép Nam Kim Corea có vốn điều lệ: 160.000.000.000 đồng với tỷ lệ góp vốn như sau:

- CTCP Thép Nam Kim: 25% VDL
- Unicoh Specialty Chemicals: 45% VDL
- Ông Hồ Minh Quang Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thép Nam Kim: 30% VDL



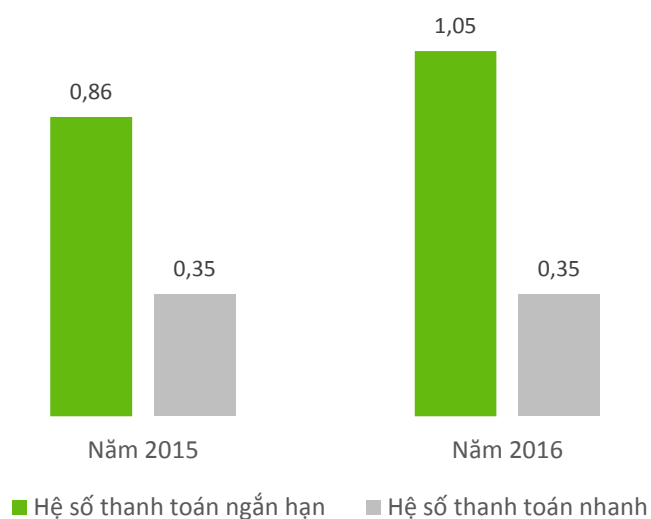
# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

**Đơn vị tính: Đồng**

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	% tăng giảm
Tổng tài sản	3.572.387.629.243	6.390.221.995.979	78,88%
Doanh thu thuần	5.750.758.321.518	8.926.246.665.867	55,22%
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	446.531.264.728	1.011.970.069.964	126,63%
Lợi nhuận khác	350.927.862	348.453.097	-0,71%
Lợi nhuận trước thuế	156.418.557.585	607.765.121.634	288,55%
Lợi nhuận sau thuế	126.060.765.192	517.769.618.974	310,73%

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,86	1,05
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,35	0,35
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	82,09%	75,11%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	458,40%	301,79%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,12	5,06
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,77	1,80
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,19%	5,79%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	22,00%	46,71%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,87%	10,45%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,71%	6,80%

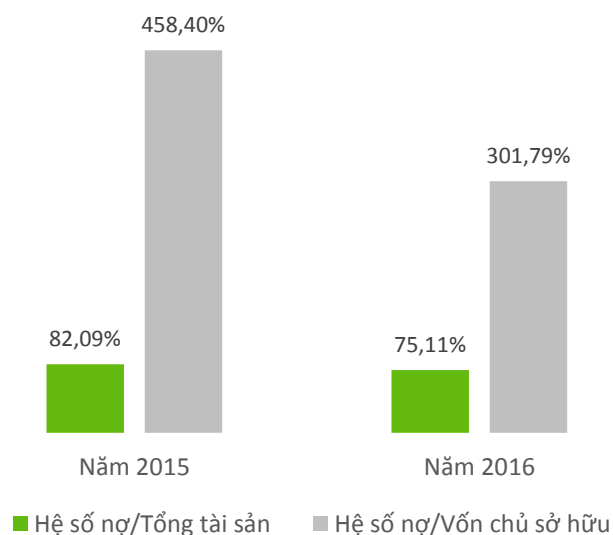
### KHẢ NĂNG THANH TOÁN



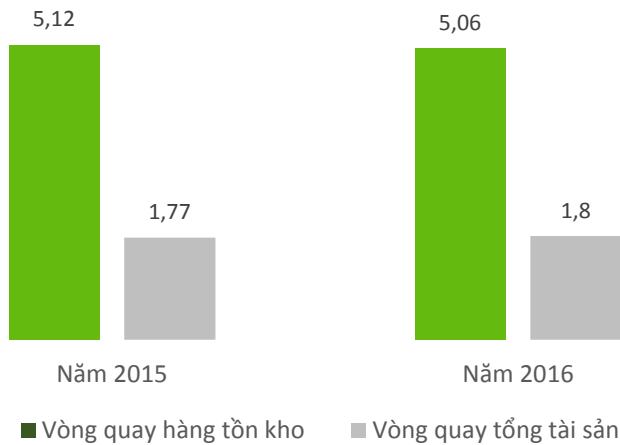
Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2016 có sự gia tăng so với năm trước từ 0,86 lần lên 1,05 lần, nguyên nhân dẫn đến sự biến động này do tài sản ngắn hạn đã tăng lên với tỷ lệ lớn hơn so với nợ ngắn hạn. Cụ thể tài sản ngắn hạn đã tăng 67,05%, chủ yếu do hàng tồn kho mà trong đó phần lớn là nguyên liệu vật liệu dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm có sự gia tăng. Trong khi đó, do trong năm Nam Kim có vay thêm nợ ngắn hạn nên đã làm khoản mục này tăng thêm 36,80%. Riêng hệ số thanh toán nhanh không có sự thay đổi so với năm 2015.

Hệ số nợ trên tổng tài sản có sự sụt giảm so với năm trước từ 82,09% xuống còn 75,11%, chủ yếu do tổng tài sản có tỷ lệ gia tăng lớn hơn tỷ lệ tăng lên của nợ phải trả. Bên cạnh đó, tỷ lệ gia tăng của vốn chủ sở hữu cũng lớn hơn khi so với tỷ lệ gia tăng của nợ phải trả do trong năm công ty đã thực hiện các hình thức phát hành theo phương án đã trình đại hội. Điều này làm hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu sụt giảm từ 458,40% xuống còn 301,79%. Như vậy, tuy nợ phải trả tiếp tục có sự gia tăng nhưng nhờ vào sự tăng lên với tỷ lệ lớn của tổng tài sản và vốn chủ sở hữu, cơ cấu vốn của Công ty đã dịch chuyển theo hướng giảm đi được áp lực tài chính.

### CƠ CẤU VỐN



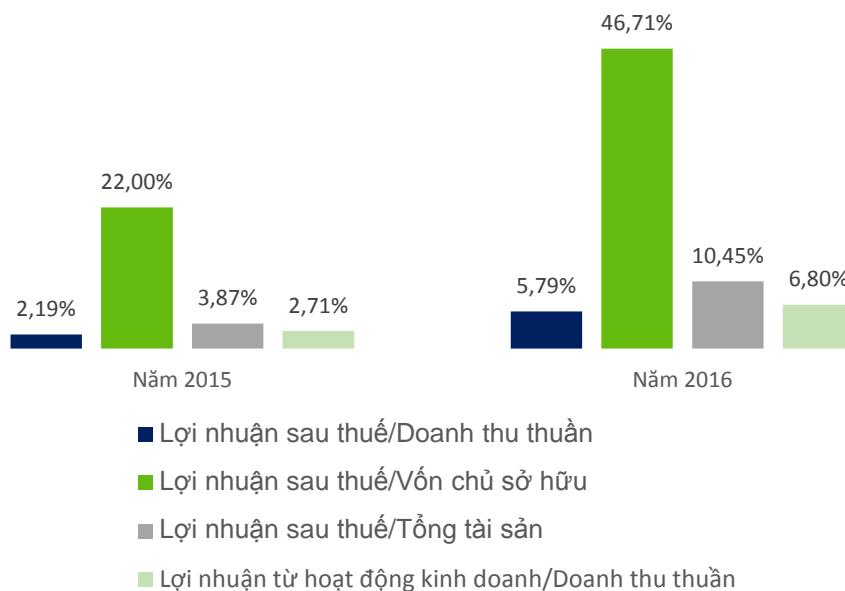
## NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ so với năm trước từ mức 5,12 lần xuống còn 5,06 lần, trong năm giá vốn hàng bán cũng đã tăng với tỷ lệ gần bằng với sự gia tăng của hàng tồn kho. Trong khi đó sự gia tăng của cả tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đã làm tổng tài sản tăng thêm đáng kể, mặc dù doanh thu thuần cũng có sự gia tăng nhưng tỷ lệ vẫn nhỏ so với

tổng tài sản, điều này đã làm vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,77 lần lên 1,8 lần. Như vậy, các hệ số phản ánh khả năng hoạt động của Nam Kim không có sự biến động lớn so với năm trước, nhưng vẫn có sự chuyển biến tích cực khi doanh thu mang lại từ tổng tài sản đã tăng và giá vốn hàng bán của một đơn vị hàng tồn kho đã giảm hơn năm trước.

## KHẢ NĂNG SINH LỜI



Các hệ số khả năng sinh lời của công ty đã có sự gia tăng đáng kể so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đã tăng lên với tỷ lệ rất lớn so với năm trước, trong khi đó mặt dù cũng có sự gia tăng nhưng tỷ lệ tăng thêm của doanh thu thuần, vốn chủ sở hữu và tổng tài sản đều nhỏ hơn tỷ lệ tăng thêm lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Công ty cổ phần Thép Nam Kim đã có một năm hoạt động thành công với các chỉ số sinh lời đều có sự tăng trưởng.

# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## Cổ phần

Cổ phần phổ thông: 66.034.361 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 66.034.361 cổ phần

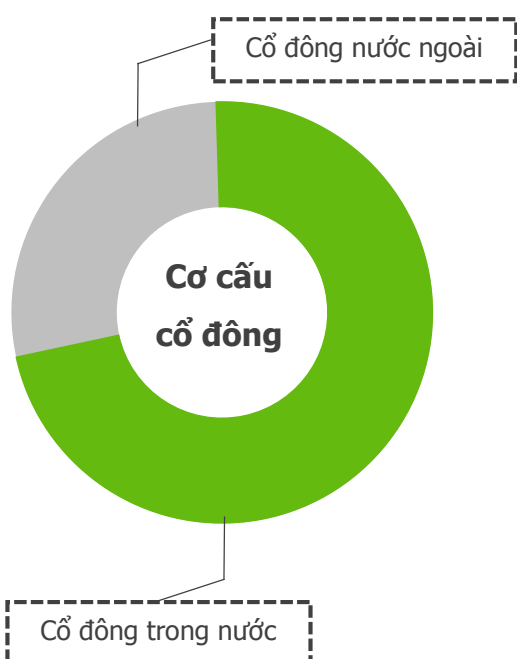
Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 VNĐ

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần



## Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2016



STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>1.401</b>	<b>48.012.363</b>	<b>72,71%</b>
	Cổ đông tổ chức	23	14.543.243	22,02%
	Cổ đông cá nhân	1378	33.469.120	50,69%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>38</b>	<b>18.021.998</b>	<b>27,29%</b>
	Cổ đông tổ chức	14	17.975.251	27,22%
	Cổ đông cá nhân	24	46.747	0,07%
<b>III</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.439</b>	<b>66.034.362</b>	<b>100%</b>



## Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	HỒ MINH QUANG	8.960.022	13,57%
2	TRẦN UYỄN NHÀN	7.890.760	11,95%
3	CÔNG TY TNHH TMDV ĐẦU TƯ P&Q	12.312.000	18,64%
4	UNICOH SPECIALTY CHEMICALS CO.,LTD	6.000.000	9,09%
5	VIETNAM ENTERPRISE INVESTMENTS LIMITED	10.000.000	15,14%
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>45.162.782</b>	<b>68,39%</b>

### **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và bất thường năm 2016, Công ty đã phát hành thành công thêm 6.144.441 cổ phiếu bằng hình thức phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, và phát hành riêng lẻ cho 02 đối tác chiến lược là Unicoh Specialty Chemicals Co.,Ltd và Vietnam Enterprise Investments Limited lần lượt 6.000.000 cổ phiếu và 10.000.000 cổ phiếu, nâng mức vốn điều lệ hiện nay của Công ty từ 438.899.200.000 đồng lên 660.343.610.000 đồng.

### **Giao dịch cổ phiếu quỹ**

Không có

### **Các chứng khoán khác**





# BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá kết quả kinh doanh
- ❖ Thị phần Công ty
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Kế hoạch phát triển trong tương lai
- ❖ Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán viên



167 x 20.65m

TRÊN HẾT  
TOP-MECH  
PROVINCE

TOP-MECH  
PROVINCE

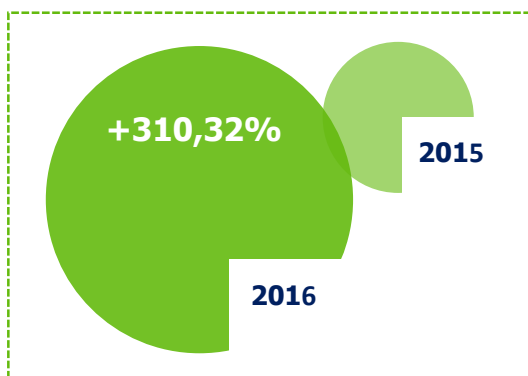
TOP-MECH  
NAKIZIC



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	KH 2016	TH 2016	%TH/KH 2016	%TH 2016/2015
Sản lượng tiêu thụ	Ngàn tấn	420	525	540	102,86%	128,57%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	5.750	7.900	8.936	113,11%	155,41%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	438,9	660,3	660,3	100%	150,44%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	126	325	517	159,08%	410,32%
LNST/DTT	%	2,19%	4,11%	5,79%	-	-
LNST/VĐL	%	28,71%	49,22%	78,30%	-	-

## LỢI NHUẬN SAU THUẾ SO VỚI NĂM TRƯỚC



## TĂNG TRƯỞNG 2016 SO VỚI 2015

### SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ

28,57%

### DOANH THU THUẦN

55,41%

### VỐN ĐIỀU LỆ

50,44%

## Vị thế của Công ty

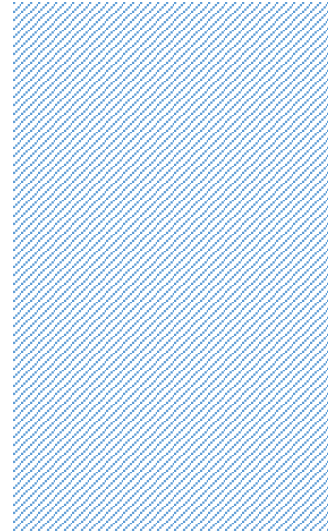
Theo Công bố của Công ty CP báo cáo đánh giá Việt Nam (VNR500), năm 2016 Nam Kim đứng vị trí thứ 169 trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam tăng 5 bậc so với năm 2015, đứng thứ 61 trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam. Như vậy, vị thế của Nam Kim trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam ngày càng tăng cao.



Năm 2016 Nam Kim đạt được kết quả kinh doanh như sau: Sản lượng đạt 540,000 tấn, tăng 129% so với năm 2015, hoàn thành và vượt 3% so với kế hoạch đặt ra; Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 8,936 tỷ đồng tăng 55% so với năm 2015 và tăng 13% so với kế hoạch đặt ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 517 tỷ đồng, tăng đến 410% so với năm 2015 và tăng 59% so với kế hoạch đặt ra.

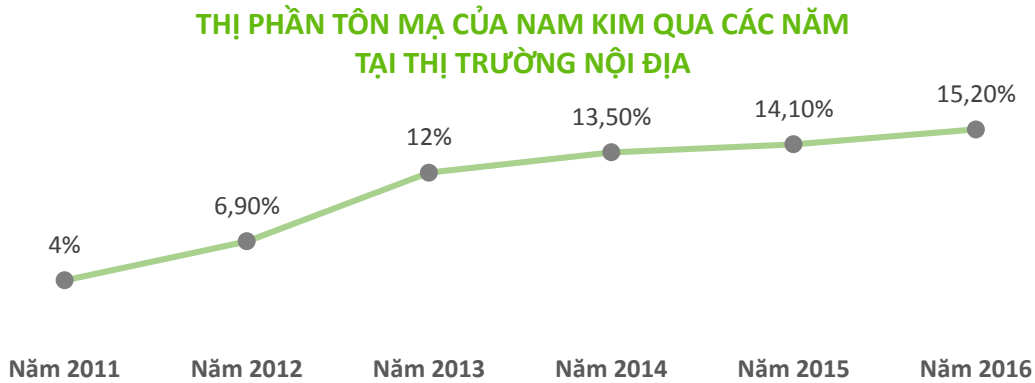
Năm 2016, Thị trường giá thép biến động tăng giá mạnh cùng với sự lãnh đạo và áp dụng các chính sách, các giải pháp phù hợp và đồng bộ: Chính sách nâng cao năng xuất, chất lượng sản phẩm sản xuất, tăng tỷ lệ hàng chính phẩm, giảm thiểu tiêu hao

nguyên vật liệu, chi phí vận hành máy móc thiết bị, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn; Nâng cao tỷ trọng sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng có biên lợi nhuận cao; Tăng trưởng và phát triển khách hàng mới các phân khúc bán hàng, mở rộng tăng trưởng thị phần, sử dụng chính sách linh hoạt giá bán, các chính sách quản lý công nợ phù hợp, chính sách lương kinh doanh. Thực hiện quản lý tồn kho hiệu quả tất cả các công đoạn sản xuất; Rà soát quản lý, tiết kiệm các khoản chi phí (tài chính, bán hàng, quản lý) đã giúp công ty đạt được những kết quả khả quan.

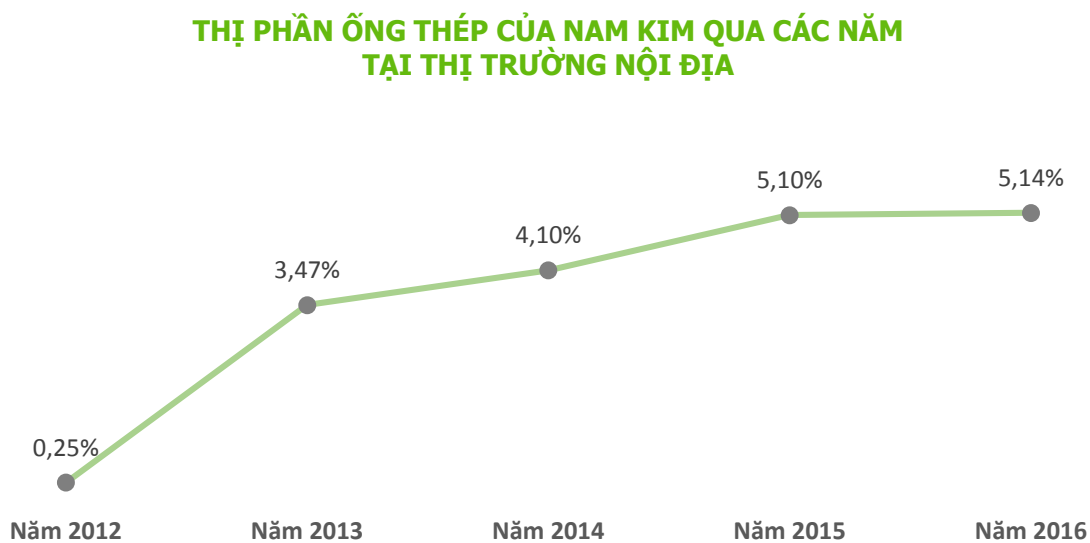




Theo thống kê của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA) thị phần tôn mạ Nam Kim liên tục tăng trưởng nhanh và ổn định qua các năm, từ ở vị trí thứ 8 năm 2011(4%) lên vị trí thứ 5 năm 2012 (6,9%), lên vị trí thứ 2 năm 2013 (12%). Từ đó đến nay (2013 – 2016) Công ty luôn giữ vững vị trí này và luôn tăng trưởng thị phần qua các năm (năm 2014 – 13,5%; năm 2015 - 14,1%; năm 2016 – 15,2%).



Mặt hàng ống thép mạ kẽm được Công ty đầu tư và cho ra sản phẩm vào năm 2012, với quy trình sản xuất khép kín, nguyên liệu mạ kẽm được sản xuất theo công nghệ NOF chất lượng cao, đến nay Thương hiệu ống thép mạ kẽm Nam Kim được đánh giá cao trên thị trường, được người tiêu dùng bình chọn là TOP 10 sản phẩm vàng Thương hiệu Việt, thị phần tăng trưởng nhanh qua các năm (năm 2012 bằng 0,25%; năm 2013 bằng 3,47%; năm 2014 bằng 4,10%; năm 2015 bằng 5,10%; năm 2016 bằng 5,14%).



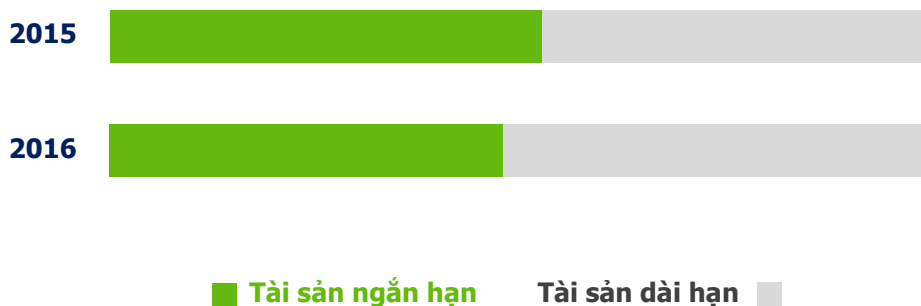
# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ 2016/2015
<b>Tài sản</b>	<b>3.572.387.629.243</b>	<b>6.390.221.995.979</b>	<i>178,88%</i>
Tài sản ngắn hạn	1.830.247.912.323	3.074.821.310.675	<i>168,00%</i>
Tài sản dài hạn	1.742.139.716.920	3.315.400.685.304	<i>190,31%</i>
<b>Nguồn vốn</b>	<b>3.572.387.629.243</b>	<b>6.390.221.995.979</b>	<i>178,88%</i>
Nợ ngắn hạn	2.119.367.701.945	2.948.433.701.279	<i>139,12%</i>
Nợ dài hạn	813.261.300.718	1.861.341.872.102	<i>228,87%</i>
Vốn chủ sở hữu	639.758.626.580	1.580.446.422.598	<i>247,04%</i>

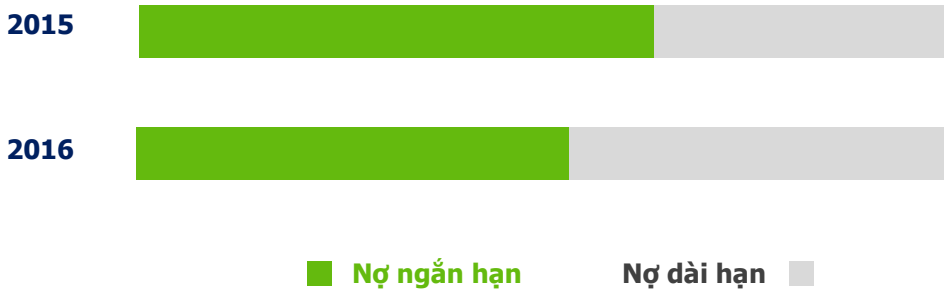


## CƠ CẤU TÀI SẢN



Tài sản ngắn hạn năm qua đã tăng mạnh 68% đạt mức 3.074,8 tỷ đồng, chủ yếu do nguyên liệu và vật liệu dùng trong quá trình sản xuất có sự gia tăng đáng kể. Bên cạnh đó tài sản dài hạn cũng đã tăng đến 90,31%, đạt mức 3.315,4 tỷ đồng so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu do trong năm công ty tiếp tục triển khai xây dựng và hoàn thành một dây chuyền tại Nhà máy Nam Kim 03 làm chi phí xây dựng cơ bản dờ dang và nguyên giá tài sản cố định gia tăng đáng kể so với cùng kỳ. Như vậy, nhờ vào sự gia tăng của cả tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, tổng tài sản công ty đã tăng đến 78,88% so với năm trước, đạt mức 6.390,2 tỷ đồng.

## CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ



Nợ ngắn hạn đã tăng 39,12% so với năm trước, đạt mức 2.948,4 tỷ đồng, chủ yếu do các khoản vay nợ bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong năm đã có sự gia tăng đáng kể. Nợ dài hạn cũng có diễn biến tương tự, khi đã tăng mạnh đến 128,87% so với năm 2015, đạt mức 1.861,3 tỷ đồng. Nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng mạnh ở khoản mục này do trong năm Nam Kim đã phát hành 370 tỷ đồng trái phiếu bổ sung vốn lưu động và cơ cấu các khoản nợ của công ty, bên cạnh đó các khoản nợ vay dài hạn bằng đồng Việt Nam mà đặc biệt là khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam cũng đã gia tăng đáng kể so với năm trước.

Vốn chủ sở hữu năm 2016 có sự chuyển biến rất tích cực khi đã tăng đến 247,04%, đạt mức 1.580,4 tỷ đồng. Các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự thay đổi này là sự gia tăng đáng kể từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, bên cạnh đó việc phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành riêng lẻ cho hai đối tác chiến lược vừa qua cũng đã làm vốn đầu tư chủ sở hữu tăng lên từ đó góp phần tác động vào sự thay đổi của vốn chủ sở hữu.







## ***Tổ chức triển khai, thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017 của HĐQT:***

- Doanh thu : 12.000 – 14.000 tỷ đồng
- Sản lượng : 800.000 tấn
- Lợi nhuận sau thuế : 600 tỷ đồng
- Tiếp tục đẩy mạnh mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng trưởng thị trường mới, khách hàng mới.

## ***Các biên pháp thực hiện kế hoạch cụ thể:***

Kiện toàn toàn bộ Quy trình, quy chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện thời gian cung ứng hàng hóa nhằm đáp ứng một cách nhanh chóng tới khách hàng bằng cách Xây dựng, áp dụng nhiều giải pháp, chính sách đồng bộ: Quy định giao hàng nội địa, giao hàng xuất khẩu nhằm giảm tối đa thời gian giao hàng, tiếp tục áp dụng và hoàn thiện chính sách về lương kinh doanh áp dụng cho khối sản xuất, cung ứng, khối gián tiếp; tiếp tục hoàn thiện bộ máy kinh doanh, chính sách kinh doanh, lương kinh doanh.

- Thường xuyên rà soát toàn bộ tồn kho hàng chậm luân chuyển, phân loại đề xuất các phương án xử lý để đạt hiệu quả cao nhất.
- Xây dựng, kiện toàn hệ thống sản xuất theo các tiêu chuẩn quản lý chất lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết giảm tối đa các chi phí tiêu hao nguyên vật liệu, chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo sản xuất an toàn và liên tục.
- Tập trung các nguồn lực tài chính để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Nam kim 3.
- Phát huy tối đa các lợi thế của hoạt động kinh doanh hiện tại, tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Nam kim 3 và các dự án đang triển khai.
- Chủ động, tích cực tìm kiếm các thị trường mới, phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh, mang lại lợi nhuận và xây dựng đầu tư nâng tầm thương hiệu cho công ty.
- Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, bộ máy công ty, quản trị các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các quy định, quy chế phù hợp với pháp luật hiện hành.
- Triển khai dự án ERP.

## GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2016 của CTCP Thép Nam Kim, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.







## **BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



- ✧ Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
  - ✧ Đánh giá các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
    - ✧ Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Có thể nói kinh tế Việt Nam năm 2016 vẫn duy trì được sự ổn định, các chính sách vĩ mô và tái cơ cấu của chính phủ tiếp tục phát huy hiệu quả, lạm phát được kiểm chế, tăng trưởng tín dụng khả quan. Đánh giá về ngành công nghiệp, xây dựng và bất động sản trong nước cho thấy những năm gần đây những lĩnh vực này đã và đang có nhiều triển vọng tích cực điều này làm hoạt động kinh doanh của Nam Kim có được những thuận lợi nhất định.



Dù vậy, trong năm vẫn còn những khó khăn Công ty phải đối mặt:

- Áp lực cạnh tranh lớn với thép nhập khẩu Trung Quốc (Thép mạ màu, Thép mạ lạnh, kẽm); Sự đầu tư của các doanh nghiệp cùng ngành (cả doanh nghiệp nước ngoài và Việt Nam);
- Diễn biến giá thép biến động mạnh, xu hướng giảm - giá nguyên liệu Thép cán nóng (HRC) đã có sự chững lại đây là sự cảnh báo đến Công ty trong việc đề ra các chính sách quản lý rủi ro nguyên vật liệu qua đó tiết kiệm được chi phí đầu vào.
- Thị trường xuất khẩu đối mặt với các biện pháp chống bán phá giá, phòng vệ thương mại từ các quốc gia trong khu vực.

Năm qua, HĐQT đã thực hiện các giải pháp: Nâng cao hiệu quả của các kênh bán hàng bằng việc mở rộng tìm kiếm thị trường mới, khách hàng mới; Tăng tỷ trọng những mặt hàng có biên lợi nhuận tốt dựa trên quy trình sản xuất khép kín của Nam Kim; Thường xuyên nắm bắt nhu cầu, thị hiếu của từng thị trường, theo dõi sản lượng, giá bán, lợi nhuận, tồn kho, quy cách của từng mặt hàng của mỗi thị trường để có kế hoạch sản xuất, điều chỉnh hàng hóa và đưa ra các giải pháp phù hợp, kịp thời; Áp dụng các chính sách lương kinh doanh, lương sản lượng cho các bộ phận Sản xuất và kinh doanh nhằm thúc đẩy động lực sản xuất, bán hàng, nâng cao năng suất và lợi nhuận cho công ty; Ngoài ra HĐQT cũng thường xuyên chú trọng đến việc bảo dưỡng máy móc thiết bị, thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường.







Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHCĐ thường niên năm 2016 ngày 25/06/2016 thông qua, HĐQT đã tiến hành triển khai thực hiện thông qua đường hướng chỉ đạo tới Ban Tổng Giám đốc. Trong năm 2016, Công ty đã đạt được kết quả như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ
1	Sản lượng (tấn)	500.000 – 600.000	540.000	103%
2	Doanh thu (tỷ đồng)	7.800 – 8.000	8.936	113%
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	300 – 350	517	159%

#### **Hoàn thành đúng tiến độ dự án đầu tư nhà máy Nam Kim 03:**

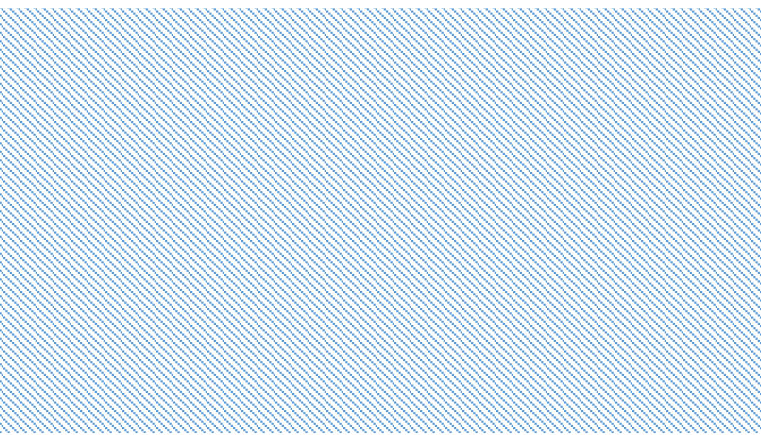
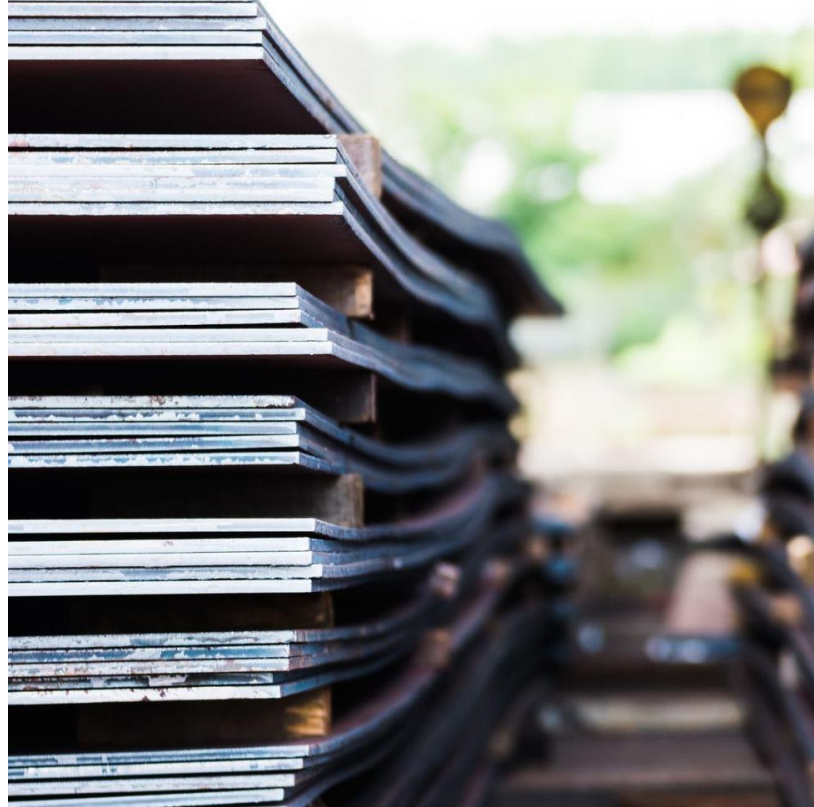
- Tháng 09.2016 đã đưa vào vận hành 01 dây chuyền mạ NOF khổ 1250mm, 02 chảo mạ có thể cho ra 02 loại sản phẩm là Tôn kẽm và Tôn lạnh. Tổng công suất của dây chuyền là 300,000 tấn/năm;
- Tháng 03.2017 đã đưa vào hoạt động thêm 01 dây chuyền tẩy rỉ (PO) khổ 1450mm có công suất 600,000 tấn/năm Và 01 dây chuyền cán nguội khổ 1450mm có công suất cán 400,000 tấn/năm.
- Dự kiến thời gian tới sẽ đưa các dây chuyền còn lại đi vào vận hành: 01 Dây chuyền mạ NOF công suất 150,000 tấn/năm và 01 DC Mạ màu công suất 120,000 tấn/năm dự kiến đi vào hoạt động khoảng Tháng 06.2017; Tháng 09.2017 sẽ đưa thêm 01 dây chuyền Cán nguội công suất 200,000 tấn/năm; Tháng 12.2017 dự kiến sẽ đưa dây chuyền Mạ NOF (Sản phẩm Kẽm, Lạnh) công suất 350,000 tấn đi vào hoạt động theo đúng tiến độ.

HĐQT luôn bám sát diễn biến thị trường, tình hình thực tế của Công ty để kịp thời đề ra các chủ trương, nghị quyết, quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện nhiệm vụ.

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT và trên cơ sở vì lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty.

HĐQT cùng với Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có trình độ quản lý, chuyên môn kỹ thuật cao, gắn bó, đoàn kết để thực hiện nhiệm vụ Nghị quyết ĐHCĐ.

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC



Trong năm qua, HĐQT đã thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo mọi hoạt động của công ty được triển khai đúng nội dung các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực hết mình để đạt được những mục tiêu mà HĐQT giao cho. HĐQT đánh giá cao những nỗ lực và quyết tâm của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành công ty. Kết quả sản xuất kinh doanh trong 2016 đã nói lên những thành công của công ty và HĐQT cùng ban điều hành đang hướng đến sự phát triển tốt hơn trong những năm sắp tới.



Với phương châm “Cam kết chất lượng” - đem đến cho Quý khách hàng những sản phẩm tốt nhất cùng với chính sách chăm sóc chu đáo nhất và giá cả cạnh tranh nhất, Công ty Cổ phần Thép Nam Kim tiếp tục mục tiêu giữ vững vị trí là 1 trong 2 đơn vị dẫn đầu ngành về thị phần tôn thép mạ toàn quốc.

Với mục tiêu đó, HĐQT luôn có những kế hoạch, những chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn để hướng công ty đến những thành công trong tương lai đặc biệt là thị trường xuất khẩu.

Trong năm tới, HĐQT sẽ có những chỉ đạo cũng như giám sát Ban Tổng giám đốc theo sát tiến độ thực hiện Dự án nhà máy Nam Kim 3 và đầu tư bổ sung thêm các dây chuyền ống thép nhằm đáp ứng kịp thời sản lượng cho các đơn vị hàng xuất khẩu và nội địa để nâng cao tính cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành.

Tăng cường cải thiện chất lượng sản phẩm, tiếp tục nghiên cứu và đưa ra thị trường các sản phẩm mới, mẫu mã mới bắt mắt với khách hàng ,tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động, nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu.đảm bảo mục tiêu nâng cao doanh thu và lợi nhuận hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017 và các năm tiếp theo, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

### **Một số chỉ tiêu hoạt động năm 2017:**

- ✓ Doanh thu : 12.000 – 14.000 tỷ đồng
- ✓ Sản lượng : 800.000 tấn
- ✓ Lợi nhuận sau thuế : 600 tỷ đồng
- ✓ Đẩy mạnh mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng trưởng thị trường mới, khách hàng mới.







**BÁO CÁO PHÁT TRIỂN  
BỀN VỮNG**

**2016**

**CTCP Thép Nam Kim**



**TÔN NAM KIM**



**THÔNG ĐIỆP**  
**BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



---

Phát triển bền vững là mục tiêu song hành cùng công việc kinh doanh của công ty. Phát triển bền vững không chỉ là mục tiêu mà còn là văn hoá của công ty. Mỗi cá nhân trong Nam Kim là một nét văn hoá vừa mang nét chung, vừa thể hiện nét riêng văn hoá ấy. Hay nói cách khác, ở Nam Kim luôn xem việc phát triển bền vững là kim chỉ nam xuyên suốt trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

---

***Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, cùng các đối tác !***

Với mục tiêu hoạt động là trở thành một trong những doanh nghiệp thép hàng đầu Việt Nam, Thép Nam Kim luôn đặt ra cho mình định hướng phát triển mang tính ổn định bền vững không chỉ cho sự phát triển của công ty mà còn cho sự phát triển của môi trường, cộng đồng, xã hội. Với tinh thần đó các hoạt động sản xuất kinh doanh của Nam Kim luôn tuân thủ các nguyên tắc sau:

Tuân thủ các quy định về pháp luật, qui tắc chuẩn mực đạo đức và quản trị công ty theo đường hướng lâu dài, bền vững.

Cung cấp môi trường làm việc năng động, an toàn, đảm bảo sức khỏe và chính sách phúc lợi cho người lao động

Xây dựng công ty theo phương hướng ***"Con người - Giá trị văn hóa cốt lõi"***.

Hạn chế những tác động của của hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ảnh hưởng đến môi trường.

Chung tay phát triển cộng đồng xã hội. Nâng cao tầm ảnh hưởng của vị thế công ty đến sự phát triển chung của toàn xã hội.

# GIÁ TRỊ KINH TẾ



CÔNG TY CAM KẾT NÂNG CAO HIỆU QUẢ VÀ TỐI ĐA HÓA CÁC KHOẢN LỢI NHUẬN, TẠO CÔNG ĂN VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP ỔN ĐỊNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG, TĂNG LỢI TỨC CHO CÁC CỔ ĐÔNG, LÀM TRÒN NGHĨA VỤ TRONG VIỆC ĐÓNG GÓP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC VÀ SỰ PHỒN VINH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI, KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY NGÀY Càng LỚN MẠNH.

Những năm qua, công ty luôn hoàn thành tốt các nghĩa vụ của một doanh nghiệp đối với công tác đóng góp ngân sách Nhà nước, thực hiện nộp thuế đầy đủ và đúng hạn, đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, giữ vững và gia tăng lợi ích cổ đông qua đó góp phần vào quá trình thúc đẩy kinh tế Việt Nam và tỉnh Bình Dương ngày một phát triển.

Tiêu chí	Giá trị mang lại trong năm 2016
Kết quả hoạt động	Doanh thu thuần: 8.942,62 tỷ đồng; LNST: 517,77 tỷ đồng
Cổ đông	Trong thời gian tới, NKG sẽ thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 tỷ lệ 15% tiền mặt; tạm ứng cổ tức 2016 tỷ lệ 35% cổ phiếu. Phát hành ESOP 2016.
Nộp ngân sách	Tổng khoản nộp ngân sách bằng 2.142,07 tỷ đồng
Người lao động	Mức lương bình quân 2016 là 8.357.773 đồng/người/tháng

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM TRIỂN KHAI GIẢI PHÁP MICROSOFT DYNAMICS AX ERP ĐỂ NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ HIỆU QUẢ KINH DOANH

“Với mục tiêu đẩy mạnh, nâng cao và phát triển hệ thống công nghệ thông tin của Thép Nam Kim nhằm chuẩn hóa để dễ dàng mở rộng trong tương lai. Chúng tôi quyết định lựa chọn giải pháp Microsoft Dynamics AX để đáp ứng mục tiêu của chúng tôi”, Ông Phạm Mạnh Hùng, Tổng giám đốc Thép Nam Kim.

*Ngày 14 tháng 02 năm 2017 – Công ty TNHH Votiva Việt Nam, Công ty CP Thép Nam Kim và Microsoft Việt Nam đồng tổ chức sự kiện “Khởi động dự án triển khai phần mềm Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP Microsoft Dynamics AX” tại Thành phố Hồ Chí Minh.*



Trải qua 6 tháng phân tích, kiểm nghiệm, đánh giá đặc thù & thách thức của ngành với sự tham gia của các giải pháp ERP lớn trên thế giới và các công ty tư vấn triển khai có tên tuổi thông qua các tiêu chuẩn của International norm ISO/IEC 25010. Thép Nam Kim đã lựa chọn Votiva là đối tác tư vấn và triển khai hệ thống quản trị doanh nghiệp Microsoft Dynamics AX. Các chức năng tổng thể và đặc thù của Dynamics AX cho ngành sản xuất sẽ hỗ trợ Thép Nam Kim chuẩn hóa tất cả các quy trình kinh doanh và chức năng bao gồm Quản lý

Tài chính kế toán, Bán hàng, Chuỗi cung ứng, Sản xuất, Vận tải, Nhân sự, Quản lý bảo dưỡng bảo trì tài sản thiết bị, Hệ thống báo cáo quản trị, Quản lý hàng tồn bằng thiết bị di động và Tích hợp với các hệ thống khác như Trạm cân. Việc triển khai dự kiến hoàn thành trong vòng 10 tháng và toàn bộ 250 nhân viên thuộc 4 nhà máy sẽ cùng làm việc trên một hệ thống tập trung.



# VĂN HÓA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Một doanh nghiệp phát triển bền vững sẽ nhắm đến 2 đối tượng: Con người và Môi trường. Hai yếu tố này luôn song hành cùng nhau và con người được xem là đòn bẩy, là nền tảng. Trên con đường phát triển của mình, Nam Kim đã xác định lấy con người làm trọng tâm.

Nguồn nhân lực dồi dào, chất lượng nhân lực là giá trị cốt lõi cho sự phát triển bền vững. Mỗi cá nhân trong Nam Kim là một viên gạch kết hợp với nhau, góp phần xây dựng vững chắc ngôi nhà chung. Đó là phương châm mà Ban lãnh đạo công ty luôn nỗ lực để có những viên gạch chất lượng nhất. Ngôi nhà chung đó là một môi trường làm việc lấy mục tiêu an toàn trên hết, ở đó nhân viên công ty làm việc trong môi trường an toàn, các thành viên thân thiện gắn kết với nhau.

Văn hóa Nam Kim được xây dựng trên nền tảng kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, truyền thống thể hiện qua tính nhân văn, tương thân tương ái hỗ trợ lẫn nhau giữa các phòng ban, giữa các cá nhân trong công việc, ban lãnh đạo quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân viên. Nét hiện đại thể hiện qua quy trình làm việc dựa trên phân quyền phân cấp quản trị tiên tiến.

Để đề cao giá trị con người, công ty thường xuyên mở các khoá đào tạo, huấn luyện để liên tục cải tiến chất lượng và phát huy tiềm năng sẵn có ở mỗi cá nhân. Việc đề cao giá trị của nhân viên làm cho mỗi nhân viên cảm thấy mình có vai trò quan trọng trong công ty, trung thành và muốn gắn bó lâu dài với công ty. Từ đó thể hiện tinh thần trách nhiệm cao hơn với công việc của mình.

Văn hoá công ty còn thể hiện trong cách ứng xử, quan hệ công việc giữa các cá nhân. Tinh thần hợp tác xây dựng để công việc tiến hành thuận lợi hơn. Ngoài ra còn kể đến nề nếp đi làm đúng giờ, tác phong ăn mặc lịch sự, sử dụng tiết kiệm những văn phòng phẩm, vật dụng trong công ty...

Không chỉ dừng lại ở môi trường làm việc, những hoạt động phong trào, vui chơi, dã ngoại, tiệc tất niên... vẫn được tổ chức định kỳ để gắn kết những thành viên ở các phòng/ban trong công ty xích gần nhau hơn, từ đó hiểu và làm việc tốt hơn.

Văn hoá công ty hiện nay được xem là chỉ số nhận dạng giữa các công ty với nhau và là yếu tố quyết định cho sự tồn tại lâu dài của công ty. Do đó, Nam Kim vẫn đang trên đường học hỏi và xây dựng một nền văn hoá vững mạnh, giữ gìn các giá trị cốt lõi đảm bảo để phát triển và tồn tại lâu dài.

### ***Sơ nét về hoạt động Công đoàn/Hoạt động văn hóa thể thao của Thép Nam Kim***

Nam Kim đã thành lập tổ chức Công đoàn cơ sở hoạt động từ năm 2010 cho đến nay, công tác hoạt động của Công đoàn Công ty đạt hiệu quả, hàng năm vẫn tiến hành bình chọn đoàn viên lao động xuất sắc để tặng giấy khen và một phần thưởng có giá trị;

Tham gia các hoạt động hội thao do Công đoàn thị xã Thuận An tổ chức, phối hợp với Phòng An ninh Kinh tế Công an tỉnh Bình Dương trong phong trào xây dựng doanh nghiệp vững mạnh tiêu biểu, và đang trong quá trình bàn phương án xây dựng lực lượng tổ công nhân tiêu biểu nhằm theo sát mọi diễn biến, tâm tư nguyện vọng của công nhân lao động trong Công ty.

Năm 2016 Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đã kết hợp với Công đoàn cơ sở triển khai giải bóng đá Nam Cup Nam Kim năm 2016 cho toàn bộ CBCNV, phát động, tham gia phong trào ngày hội công nhân do Liên đoàn lao động Thị xã Thuận An thực hiện.



# TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG

Thống kê tỷ lệ chấn thương, bệnh nghề nghiệp, ngày nghỉ ốm, sự vắng mặt và số trường hợp tử vong có liên quan đến làm việc theo từng khu vực.

Thời gian		Ốm				Tai nạn lao động				Bệnh nghề nghiệp			
Quý	Tháng (1)	Số người (2)	Tỷ lệ % (3)	Số ngày (4)	Tỷ lệ % (5)	Số người (6)	Tỷ lệ % (7)	Số ngày (8)	Tỷ lệ % (9)	Số người (10)	Tỷ lệ % (11)	Số ngày (12)	Tỷ lệ % (13)
Q.I	1	21	1,7	46	3,8	3	0,3	3	0,2	0	0	0	0
	2	56	4,6	97	8,0	1	0,1	0	0	0	0	0	0
	3	45	3,7	113	9,4	0	0	0	0	0	0	0	0
Q.II	4	0	0	0	0	5	0,6	5	0,4	0	0	0	0
	5	44	3,6	194	16,1	3	0,3	3	0,2	0	0	0	0
	6	120	10	258	21,4	0	0	0	0	0	0	0	0
Q.III	7	61	5,0	99	8,2	0	0	0	0	0	0	0	0
	8	86	7,1	171	14,2	2	0,2	2	0,1	0	0	0	0
	9	37	3,0	76	6,3	4	0,5	0	0	0	0	0	0
Q.IV	10	41	3,4	58	4,8	2	0,2	0	0	0	0	0	0
	11	20	1,6	52	4,3	0	0	0	0	0	0	0	0
	12	8	0,6	37	3,0	1	0,1	5	0	0	0	0	0
Tổng Cộng		539	10%	1201	99,5%	20	2,3%	18	0,9%	0	0	0	0



### Ghi chú:

- Cột 3 tỷ lệ % so với tổng số cán bộ công nhân viên.
- Cột 7 tỷ lệ % so với tổng số cán bộ công nhân viên trực tiếp sản xuất.
- Cột 5, 9, 13 tỷ lệ % so với tổng số ngày nghỉ ốm/ngỉ do tai nạn lao động.
- Cột 11 tỷ lệ % so với tổng số công nhân tiếp xúc với các yếu tố độc hại nghề nghiệp.





Năm 2016, Công ty đã có sự tổ chức các chương trình giáo dục, đào tạo, tư vấn, phòng ngừa và kiểm soát rủi ro để hỗ trợ lực lượng lao động, gia đình của họ hoặc các thành viên trong cộng đồng ứng phó với các bệnh nguy hiểm.

Các vấn đề về sức khỏe và an toàn lao động được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn: hằng năm Công ty tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể Cán bộ Công nhân viên và mở lớp đào tạo về an toàn lao động cho Công nhân tham gia hoạt động sản xuất trực tiếp tại nhà xưởng.

Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm tính trên 01 nhân viên 48h/người/năm
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Lãnh đạo Công ty tạo ra môi trường học tập trung Doanh nghiệp bằng cách:
  - ✓ Xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo cụ thể cho từng đối tượng.
  - ✓ Dành kinh phí cho các hoạt động đào tạo.
  - ✓ Khuyến khích mọi người tham gia các hoạt động đào tạo
  - ✓ Tổ chức các khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài
  - ✓ Theo dõi, đánh giá, ghi nhận kết quả đào tạo của người lao động
  - ✓ Các khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài hiện có:

STT	Tên khóa đào tạo	Đối tượng tham dự	Tổ chức đào tạo
1	Huấn luyện sơ cấp cứu ban đầu	Tất cả nhân viên	Trung tâm y tế, sức khỏe, môi trường tỉnh Bình Dương
2	Huấn luyện sử dụng phương tiện PCCC và ứng phó tình trạng khẩn cấp	Nhân viên văn phòng + Sản xuất	Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy số 2 tỉnh Bình Dương
3	Đào tạo An toàn lao động chung cho toàn Nhà máy	CBCNV Khối Sản xuất	Công ty cổ phần huấn luyện kỹ thuật an toàn khu vực 2
4	Đào tạo đánh giá viên nội bộ ISO 9001 & ISO 14001	Nhân viên Văn phòng + Sản xuất	Viện quản lý tri thức về công nghệ





## MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

### ***“Môi trường xanh sạch, nền tảng của sự phát triển bền vững”***

Ngày nay sự phát triển của một doanh nghiệp luôn đi kèm với những trách nhiệm chung với môi trường. Trong bối cảnh tình hình khí hậu Thế Giới ngày càng xấu đi, môi trường sống ở Việt Nam ngày một ô nhiễm qua các năm. Công ty cổ phần Nam Kim luôn đi đầu trong việc ý thức các vấn đề về môi trường Vì môi trường là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến sự phát triển bền vững của xã hội. Trong những năm qua công ty luôn hướng đến các vấn đề về môi trường như sau:

- Giảm thiểu tối đa lượng khí thải, tiêu thụ năng lượng từ các nhà máy sản xuất của công ty.
- Hành động với môi trường xung quanh để cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường sống.
- Ưu tiên lựa chọn những công nghệ thân thiện với môi trường.



## HÀNH ĐỘNG

Hiểu rõ tầm quan trọng đó, là một doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, Nam Kim xác định rõ quá trình vận hành sản xuất ảnh hưởng đến môi trường như thế nào. Do đó, để giảm thiểu tác động đến môi trường, Nam Kim quyết định chọn giải pháp tập trung đầu tư công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất. Toàn bộ hệ thống máy móc và thiết bị công ty đều đạt tiêu chuẩn châu Âu về chất lượng an toàn và các chỉ tiêu về tiếng ồn, độ rung, chất thải... Không chỉ chọn giải pháp máy móc, song song đó phải kết hợp với yếu tố con người. Cụ thể bằng việc liên tục xây dựng và cải tiến đội ngũ nhân sự để nâng cao trình độ chuyên môn; thường xuyên mở các khoá đào tạo để mỗi con người của Nam Kim thấm nhuần các cam kết chung. Đặc biệt là cam kết về môi trường, phấn đấu xây dựng một môi trường sản xuất và làm việc xanh - sạch nhằm giảm thiểu tối đa các loại chất thải ra môi trường xung quanh.



Bên cạnh đó, Nam Kim cam kết các kế hoạch sản xuất của công ty đều được lên kế hoạch một cách chu đáo, tiêu hao năng lượng một cách hợp lý để tránh gây lãng phí. Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về việc xử lý chất thải tại doanh nghiệp; sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực không có khả năng tái tạo trong sản xuất để vừa tiết giảm được chi phí sản xuất vừa khai thác có trách nhiệm với các nguồn lực tự nhiên.



***Tình hình tiêu thụ năng lượng tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim 2016:***

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, NKG có phát sinh sử dụng các loại năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp cụ thể như sau:

STT	Danh mục	ĐVT	Tổng lượng tiêu thụ
<b>NAM KIM 1</b>			
1	N <sub>2</sub>	Tấn	347.390
2	NH <sub>3</sub>	Tấn	144.970
3	Điện sử dụng	Kw	11,911,224
4	CNG	Sm <sup>3</sup>	2,039,666
<b>NAM KIM 2</b>			
1	N <sub>2</sub>	Tấn	1,044,735
2	NH <sub>3</sub>	Tấn	706,026
3	Điện sử dụng	Kw	82,703,700
4	CNG	Sm <sup>3</sup>	8,995,311

**NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM ĐƯỢC THÔNG QUA CÁC SÁNG KIẾN SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ. NHỮNG SÁNG KIẾN ĐÃ ĐƯA VÀO THỰC HIỆN TẠI TRỤ SỞ CHÍNH, CÁC NHÀ MÁY VÀ CÁC CHI NHÁNH TRONG NĂM 2017:**

- ✓ Thay thế đèn chiếu sáng nhà xưởng: hiện tại sử dụng bóng đèn cao áp dần dần thay thế sang loại đèn LED (Cho cả Trụ sở và Chi nhánh).
- ✓ Quạt giải nhiệt máy nén khí được thay thế làm mát bằng nước.
- ✓ Thay dần các thiết bị cũ, tổn hao năng lượng bằng hệ thống biến tần.

**THÔNG KÊ VIỆC TIÊU THỤ NƯỚC NĂM QUA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

- ✓ Nguồn cấp nước chính cho hoạt động sản xuất của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim: Nước Thủy cục do Xí nghiệp cấp thoát nước Thuận An cung cấp và nguồn nước ngầm được khai thác tại Công ty.
- ✓ Nguồn nước cấp cho các hoạt động tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Nam Kim là nước cấp từ Xí nghiệp cấp nước Khu Liên hợp 1 – thuộc Công ty Cổ phần nước và môi trường Bình Dương.







**Lượng nước sử dụng hàng tháng năm 2016 (Đơn vị m<sup>3</sup>):**

Danh mục	Tháng												Tổng cộng
	T.01	T.02	T.03	T.04	T.05	T.06	T.07	T.08	T.09	T.10	T.11	T.12	
NAM KIM 1	1.915	1.224	1.449	1.496	1.358	1.608	1.846	2.109	2.497	2.552	2.127	2.220	<b>22.401</b>
NAM KIM 2	8.730	8.698	9.210	9.327	9.360	8.791	3.994	4.533	6.270	5.053	3.614	3.731	<b>81.311</b>

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Hiện tại nước thải từ các hoạt động sản xuất của Công ty và các Chi nhánh không được tái sử dụng, sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tại Công ty (Nước thải đạt loại A) được thải vào hệ thống Suối Cát (Nam Kim 1) và tại Chi Nhánh sau khi qua hệ thống xử lý nước tại Công ty (Nước thải đạt loại B) thải vào hệ thống xử lý chung của Khu Công nghiệp Đồng An 2.

## TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

### **Đôi với cộng đồng:**

Nam Kim xác định việc chia sẻ lợi ích, lợi nhuận đạt được với cộng đồng xã hội là một trách nhiệm mà bản thân doanh nghiệp phải thực hiện. Đó cũng là cách để thể hiện sự tri ân với cộng đồng. Cụ thể, Nam Kim luôn sẵn sàng đồng hành cùng chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội có những hành động thiết thực hỗ trợ, tạo điều kiện cho các gia đình, các cá nhân có cơ hội vươn lên trong cuộc sống. Trong nhiều năm qua, Công ty Thép Nam Kim cùng với các doanh nghiệp khác thường xuyên tổ chức các chương trình hoạt động tình nguyện, an sinh xã hội nhằm phát triển môi trường sống, chung tay giúp đỡ những người gặp khó khăn. Nâng cao hơn nữa hình ảnh của công ty trong lòng người tiêu dùng, cộng đồng và xã hội Cụ thể trong năm 2016 công ty đã hoàn thành và trao tặng "Nhà nhân ái" cho các hộ dân có hoàn cảnh khó khăn trong tỉnh. Tổ chức thành công chương trình "Xuân với trẻ em khó khăn lần IX Bình Dương năm 2016". Trao tặng nhà tình nghĩa và quà cho con liệt sĩ.

### **Luôn đồng hành cùng hạnh phúc Cộng đồng**

Với doanh thu tăng trưởng mạnh trong năm 2016, những nỗ lực, kinh nghiệm cùng khả năng của toàn bộ cán bộ, công nhân viên của công ty là một yếu tố quyết định hàng đầu. điều đó chính là nhờ những chính sách phúc lợi, cùng chế độ chăm sóc sức khỏe tốt của công ty đối với người lao động. công ty luôn nỗ lực để tạo một môi trường làm việc năng động, lành mạnh, an toàn và chuyên nghiệp. Mức lương trung bình hiện nay tại Công ty trong năm qua là 8.357.773 đồng/người/tháng, Nam Kim sẽ phấn đấu để chỉ tiêu này tiếp tục có sự tăng trưởng trong thời gian tới.







# QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ✧ Hoạt động của Hội đồng quản trị
- ✧ Hoạt động của Ban kiểm soát
- ✧ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



# HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không.

## Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã có 07 cuộc họp với sự tham dự của đầy đủ các thành viên

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị	10	100%
2	Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	10	100%
	Ông Nguyễn Vinh An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	10	100%
3	Bà Trần Uyển Nhân	Thành viên HĐQT	10	100%
4	Ông Lương Thanh Bình	Thành viên HĐQT	10	100%

Hội đồng quản trị vẫn đảm bảo các cuộc họp thường kỳ trong năm 2016, từng thành viên đều nắm bắt tốt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty để cùng nhau đưa ra những quyết định kịp thời chỉ đạo thực hiện kế hoạch, cũng như khắc phục các vấn đề khó khăn gặp phải. Luôn tập trung vào mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phó, Hội đồng quản trị đã có sự giám sát chặt chẽ đối với hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Năm qua, các cuộc họp của Hội đồng quản trị tập trung vào những nội dung sau:

- ✓ Xây dựng phương án kinh doanh, chủ động ứng phó kịp thời với các diễn biến của thị trường, tập trung phát triển thành công mũi nhọn của công ty là tôn và thép;
- ✓ Tiếp tục hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị, tăng cường thực hiện công tác kiểm tra quy trình sản xuất để giảm chi phí;
- ✓ Đẩy mạnh xuất khẩu, tiếp tục chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu truyền thống, và mở rộng thị phần sang thị trường giàu tiềm năng. Tùy tình hình thị trường linh hoạt, điều tiết sản lượng cung ứng giữa thị trường trong nước và xuất khẩu nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh;
- ✓ Ban Tổng giám đốc đã theo sát tình hình và diễn biến chung của thị trường có những giải pháp cụ thể để thích ứng điều kiện xuất khẩu của từng thị trường. Nâng cao chất lượng, nâng cao vị thế trên thị trường trong và ngoài nước;
- ✓ Ban Tổng giám đốc đã theo sát tiến độ thực hiện Dự án nhà máy Nam Kim 3 và đầu tư bổ sung thêm các dây chuyền ống thép nhằm đáp ứng kịp thời sản lượng cho các đơn vị hàng xuất khẩu và nội địa để nâng cao tính cạnh tranh.



## Các nghị quyết và quyết định trong năm 2016 của Hội đồng quản trị

STT	Số Quyết định	Ngày phát hành	Nội dung
1	01/2016/QĐ-HĐQT	21/03/2016	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
2	02/2016/QĐ-HĐQT	04/04/2016	Xin gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016
3	03/2016/QĐ-HĐQT	01/06/2016	Thông qua các nội dung Đại hội thường niên 2016
4	04/2016/QĐ-HĐQT	01/08/2016	Thông qua việc chào bán cổ phiếu cho đối tác chiến lược và mua lại Công ty Thép.
5	05/2016/QĐ-HĐQT	02/08/2016	Điều chỉnh lại nội dung nghị quyết 04/2016/QĐ-HĐQT
6	07/2016/QĐ-HĐQT	15/09/2016	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và đăng ký lại Giấy CNĐKDN , sửa đổi điều lệ, đăng ký lưu ký
7	08/2016/QĐ-HĐQT	19/09/2016	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án đầu tư mua lại công ty Thép, đăng ký lại giấy CNĐKDN
8	10/2016/QĐ-HĐQT	17/10/2016	Thông qua chào bán cổ phiếu cho Đối tác chiến lược
9	12/2016/QĐ-HĐQT	09/11/2016	Mua lại cổ phần góp vốn và góp vốn vào CTCP Ống Thép Nam Kim
10	13/2016/QĐ-HĐQT	15/11/2016	Thông qua việc đăng ký bổ sung, niêm yết bổ sung, tăng vốn điều lệ

## Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Ông Phan Trình – Trợ lý Tổng Giám đốc – Người thực hiện công bố thông tin đã được cấp chứng chỉ đào tạo quản trị công ty theo chương trình của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



# HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Phan Thị Vân Anh	Trưởng Ban	02/02	100%
2	Ông Trương Thế Thiện	Thành viên	02/02	100%
3	Bà Võ Thị Vui	Thành viên	02/02	100%

Năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể nhân viên Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Có sự tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đóng góp nhiều ý kiến tích cực vào các quyết định bảo đảm việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của doanh nghiệp.



## Hoạt động trong năm 2016 của Ban Kiểm soát:

- ✓ Tham gia các buổi họp của Ban Lãnh đạo Nam Kim về kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý và báo cáo tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- ✓ Giám sát tiến độ thực hiện dự án nhà máy Nam Kim 3 và dây chuyền ống thép bổ sung tại nhà máy Nam Kim 1.
- ✓ Xem xét báo cáo tài chính, báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2016.
- ✓ Xem xét các báo cáo và thư quản lý của tổ chức kiểm toán.





### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

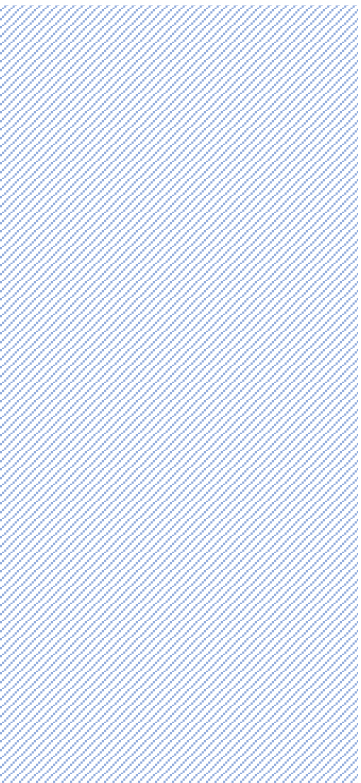
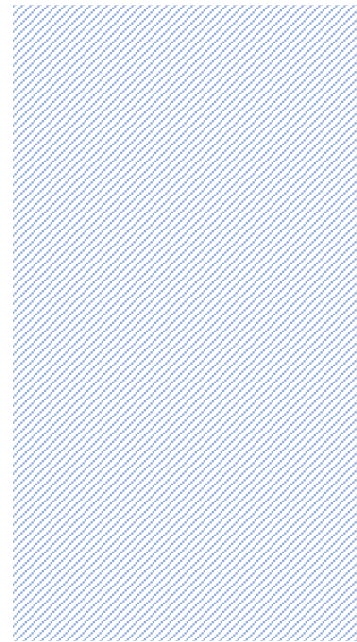
STT	Người thực hiện	Quan hệ với người nội bộ	Cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do thay đổi
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Phạm Mạnh Hùng – TV HĐQT kiêm TGD		605.796	0,92%	655.796	0,99%	Mua cổ phiếu
2	Phạm Thanh Trà	Con ruột của Ông Phạm Mạnh Hùng - TV HĐQT kiêm TGD	34.200	0,07%	-	0%	Bán cổ phiếu

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

STT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ với Công ty	Thời điểm	Nghị quyết	Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch	Tỷ lệ
1	Unicoh Specialty Chemicals Co.,Ltd	Cổ đông lớn	11/2016	Nghị quyết số 02/2016/NQ/ĐHĐCĐ ngày 07/09/2016	6.000.000	9,09%
2	Vietnam Enterprise Investments Limited	Cổ đông lớn	11/2016	Nghị quyết số 03/2016/NQ/ĐHĐCĐ ngày 07/09/2016	10.000.000	15,14%

### Việc thực hiện quy định về quản trị công ty

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim luôn tuân thủ và thực hiện đúng pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty và các quy chế quản trị nội bộ.





# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016**





## BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ban Quản trị Công ty (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Công ty Cổ phần Thép Nam Kim và Công ty con cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016.

### I. CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700477019 (số cũ là 4603000055) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 23/12/2002 và thay đổi lần thứ 19 ngày 27/12/2016.

Vốn điều lệ của Công ty : 660.343.610.000 đồng

Vốn pháp định : 6.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ đồng)

Trụ sở chính của Công ty tại Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, P.An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn.
- Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng thép mạ kẽm.
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: bán buôn sắt, thép các loại.
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không gia công tại địa điểm trụ sở chính).

#### 4. Mô hình hoạt động

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty con</i>					
Công ty Cổ phần Ống thép Nam Kim	Lô C2, 16 đến Lô C2, 20, Đường VL1, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	95,00%	0,00%	95,00%	0,00%

729-C  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THÉP NAM KIM  
KẾ TOÁN  
CHÍNH

3  
2  
3  
7  
1  
9

## **BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
- Chi nhánh Công ty CP Thép Nam Kim	Lô B2.2-B2.3, đường Đ3, Khu công nghiệp Đồng An 2, P.Hoà Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty CP Thép Nam Kim tại Miền Bắc	Quốc lộ 5A, Km 19, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty CP Thép Nam Kim tại Miền Tây	Km 2045, Quốc lộ 1A, ấp Phước Hoà, xã Hoà Phú, Huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

### **II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Theo giải trình Ban Quản trị Công ty về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 biến động so với năm trước các dây chuyền sản xuất đầu tư mới đã đi vào hoạt động ổn định và đạt công suất thiết kế. Đồng thời công ty gia tăng hoạt động xuất khẩu, chi phí đầu vào giảm (do dây chuyền sản xuất khép kín) so với năm 2015 dẫn đến doanh thu tăng, chi phí sản xuất kinh doanh thấp, lợi nhuận tăng.

### **III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Theo Nghị quyết Số 01/2017/HĐQT-NQ ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng quản trị đã thông qua việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2015 (tỷ lệ 15%), tạm ứng cổ tức cho năm 2016 (tỷ lệ 35%) với tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành là 33.017.180 cổ phần. Đồng thời công ty cũng dự kiến phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty với tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành là 1.000.000 cổ phiếu. Thời gian thực hiện việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức là trong quý I/2017.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông	Hồ Minh Quang	Chủ tịch
Ông	Phạm Mạnh Hùng	Ủy viên
Bà	Trần Uyên Nhân	Ủy viên
Ông	Nguyễn Vinh An	Ủy viên
Ông	Lương Thanh Bình	Ủy viên



## **BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông	Phạm Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc
Ông	Quảng Trọng Lãng	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Quốc Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Vinh An	Phó Tổng Giám đốc

### **Ban Kiểm soát**

Bà	Phan Thị Vân Anh	Trưởng ban
Ông	Trương Thế Thiện	Thành viên
Bà	Võ Thị Vui	Thành viên

### **Đại diện pháp luật**

Ông	Hồ Minh Quang	Chủ tịch HĐQT
-----	---------------	---------------

### **Kế toán trưởng**

Bà	Trần Ngọc Diệu	Kế Toán Trưởng
----	----------------	----------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

## **V. KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ Phần Thép Nam Kim và Công ty con.

## **VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;



101  
6  
4  
3  
1

## **BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY**

- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **VII. CAM KẾT KHÁC**

Ban Quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi, Ban Quản trị Công ty Cổ phần Thép Nam Kim phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016.

Duyệt, ngày 22 tháng 03 năm 2017

**Hội đồng Quản trị**  
**Chủ tịch**  
  
**Hồ Minh Quang**



M.S.D.N. 3  
CỘNG TY  
CỔ PHẦN  
THÉP  
NAM KIM  
TY. THUAN AN T. BINH DUONG

011720  
CÔNG TY  
NHIỆM HỮU  
VỤ TƯ V  
KẾ T C  
KIỂM TOÁN  
NAM  
I. PHỒ C

77019-L  
TY  
N  
A  
DUONG



Số : 210 /BCKT/TC/2017/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**của CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo của Công Ty Cổ phần Thép Nam Kim (sau đây gọi tắt là "Công ty") và Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 22/03/2017, trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Quản trị Công ty**

Ban Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2017

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính****Kế toán và Kiểm toán Phía Nam****Phó Tổng Giám đốc****LÊ VĂN TUẤN**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0479-2013-142-1

**Kiểm toán viên**
**NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1091-2013-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City  
Tel: (08) 3820 5944 - (08) 3820 5947 - Fax: (08) 3820 5942  
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.074.821.310.675</b>	<b>1.830.247.912.323</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>174.108.729.048</b>	<b>51.475.086.265</b>
Tiền	111		24.108.729.048	51.475.086.265
Các khoản tương đương tiền	112		150.000.000.000	
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>26.009.353.176</b>	<b>9.353.176</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	9.353.176	9.353.176
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.2	26.000.000.000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>496.324.134.293</b>	<b>533.158.859.367</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	358.810.111.115	358.388.230.021
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	129.401.993.741	174.957.517.253
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	10.273.044.064	3.581.346.115
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.161.014.627)	(3.768.234.022)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>2.032.863.740.895</b>	<b>1.098.217.021.489</b>
Hàng tồn kho	141		2.032.863.740.895	1.098.217.021.489
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>345.515.353.263</b>	<b>147.387.592.026</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	24.218.730.257	18.366.518.090
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14	321.296.623.006	125.614.659.708
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14		3.406.414.228
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.315.400.685.304</b>	<b>1.742.139.716.920</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>276.299.965</b>	
Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	276.299.965	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.884.716.357.611</b>	<b>1.473.596.270.971</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.824.049.606.377	1.413.521.307.124
- Nguyên giá	222		2.412.329.860.708	1.837.053.563.214
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(588.280.254.331)	(423.532.256.090)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	2.117.742.811	
- Nguyên giá	225		2.167.280.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(49.537.189)	
Tài sản cố định vô hình	227	V.11	58.549.008.423	60.074.963.847
- Nguyên giá	228		67.044.625.508	67.044.625.508
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.495.617.085)	(6.969.661.661)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.8	<b>1.406.944.129.541</b>	<b>243.727.563.420</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	1.406.944.129.541	243.727.563.420
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>23.463.898.187</b>	<b>24.815.882.529</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	23.463.685.102	24.815.882.529
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		213.085	
Lợi thế thương mại	269			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>6.390.221.995.979</b>	<b>3.572.387.629.243</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.809.775.573.381</b>	<b>2.932.629.002.663</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.948.433.701.279</b>	<b>2.119.367.701.945</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	440.639.330.513	879.365.672.552
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		76.188.232.135	62.301.483.297
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	108.712.643.308	2.444.554.629
Phải trả người lao động	314		18.267.868.106	8.873.763.132
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.808.904.719	90.909.091
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	132.739.235	250.529.301
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	2.295.882.606.236	165.970.635.872
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.801.377.027	70.154.071
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.861.341.872.102</b>	<b>813.261.300.718</b>
Phải trả dài hạn khác	337	V.16	1.299.090.000	1.299.090.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	1.860.042.782.102	811.962.210.718
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.580.446.422.598</b>	<b>639.758.626.580</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18	<b>1.580.446.422.598</b>	<b>639.758.626.580</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		660.343.610.000	438.899.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660.343.610.000	438.899.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		264.355.590.000	62.100.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		12.851.794.521	9.069.971.565
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.904.387.898	1.122.564.942
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		634.991.436.569	128.566.890.073
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		117.221.421.205	2.506.124.887
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		517.770.015.364	126.060.765.192
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.999.603.610	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>6.390.221.995.979</b>	<b>3.572.387.629.243</b>

Người lập biểu



Trần Minh Tiến

Kế toán trưởng



Trần Ngọc Diệu

Lập ngày 22 tháng 03 năm 2017

Người đại diện theo pháp luật



Hồ Minh Quang



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	8.941.615.170.286	5.756.159.900.856
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.368.504.419	5.401.579.338
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>8.936.246.665.867</b>	<b>5.750.758.321.518</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	7.924.276.595.903	5.304.227.056.790
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>1.011.970.069.964</b>	<b>446.531.264.728</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	110.477.635.742	41.703.842.517
Chi phí tài chính	22	VI.5	299.466.412.884	195.368.256.758
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		141.639.235.578	81.783.660.055
Chi phí bán hàng	25	VI.8	161.720.090.541	95.146.880.656
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	53.844.533.744	41.652.340.108
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>607.416.668.537</b>	<b>156.067.629.723</b>
Thu nhập khác	31	VI.6	3.479.939.182	1.623.700.352
Chi phí khác	32	VI.7	3.131.486.085	1.272.772.490
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>348.453.097</b>	<b>350.927.862</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>607.765.121.634</b>	<b>156.418.557.585</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	89.995.715.745	30.357.792.393
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(213.085)	
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>517.769.618.974</b>	<b>126.060.765.192</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		517.770.015.364	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(396.390)	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	10.275	3.015
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	6.190	2.627

Người lập biểu

Trần Minh Tiên

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Diệu

Lập, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Người đại diện theo pháp luật



Hà Minh Quang



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		607.765.121.634	156.418.557.585
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		166.323.490.854	122.625.570.251
- Các khoản dự phòng	03		1.607.219.395	(57.102.718.524)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(191.273.141)	55.634.314.685
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.258.861.168)	(891.183.958)
- Chi phí lãi vay	06		141.639.235.578	81.783.660.055
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		915.884.933.152	358.468.200.094
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(145.406.281.027)	176.851.315.312
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(934.646.719.406)	(125.919.833.611)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		374.661.375.901	(493.393.355.601)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(4.500.014.740)	(20.417.408.365)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	170.660.824
- Tiền lãi vay đã trả	14		(147.665.091.972)	(81.783.660.055)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(34.514.676.482)	(35.090.059.582)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	10.430.479.676
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(50.600.000)	(1.263.645.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.762.925.426	(211.947.306.368)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.316.768.174.992)	(715.949.427.618)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		630.000.000	45.454.545
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.258.861.168	887.164.699
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.340.879.313.824)	(715.016.808.374)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		423.800.000.000	7.980.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		8.102.135.932.700	4.040.636.325.608
Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.086.253.172.524)	(3.103.359.361.105)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(124.002.136)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.439.558.758.040</b>	<b>945.256.964.503</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50=20+30+40)	<b>50</b>		<b>122.442.369.642</b>	<b>18.292.849.761</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>51.475.086.265</b>	<b>32.272.045.880</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		191.273.141	910.190.624
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> (70=50+60+61)	<b>70</b>	V.1	<b>174.108.729.048</b>	<b>51.475.086.265</b>

Người lập biểu



Trần Minh Tiến

Kế toán trưởng



Trần Ngọc Diệu

Lập, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Người đại diện theo pháp luật



CHỦ TỊCH HĐQT

Hồ Minh Quang

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700477019 (số cũ là 4603000055) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 23/12/2002 và thay đổi lần thứ 19 ngày 27/12/2016.

Vốn điều lệ của Công ty : 660.343.610.000 đồng

Vốn pháp định : 6.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ đồng)

Trụ sở chính của Công ty tại Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, P.An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn.

- Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng thép mạ kẽm.

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: bán buôn sắt, thép các loại.

- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không gia công tại địa điểm trụ sở chính).

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không có

#### 6. Cấu trúc tập đoàn

Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con được hợp nhất : 01 (\*) công ty

Danh sách công ty con và đơn vị trực thuộc:

Công ty con	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Ống thép Nam Kim	Lô C2, 16 đến Lô C2, 20, Đường VL1, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An
Tỷ lệ sở hữu	: 95%
Tỷ lệ biểu quyết	: 95%

#### Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Thép Nam Kim	Lô B2.2-B2.3, đường Đ3, Khu công nghiệp Đồng An 2, P.Hoà Phú, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Chi nhánh Công ty CP Thép Nam Kim tại Miền Bắc	Quốc lộ 5A, Km 19, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Chi nhánh Công ty CP Thép Nam Kim tại Miền Tây	Km 2045, Quốc lộ 1A, ấp Phước Hoà, xã Hoà Phú, Huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

**Ghi chú (\*):** Số liệu trên Báo cáo tài chính của công ty con (Công ty Cổ phần ống thép Nam Kim) để hợp nhất với báo cáo tài chính công ty mẹ là số liệu do đơn vị cung cấp, và chưa được kiểm toán.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### 1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### Các giao dịch bằng ngoại tệ

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch nhiều nhất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

### a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;  
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...  
Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

**Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:** phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### c. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

11/20  
CÔNG TY  
KIỂM HƯU H  
TƯ VỊ  
KẾ TỐ  
M TOÁN  
NAM  
HỒ CẢ



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp:

- Nguyên vật liệu tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân.
- Thành phẩm tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo sản lượng thành phẩm sản xuất trong kỳ (tháng).

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá kén phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

#### *Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xoá sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh.

**Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:**

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

#### *Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình*

##### **+ Quyền sử dụng đất :**

Giá trị quyền sử dụng đất được ghi nhận trong khoản mục tài sản cố định vô hình bao gồm:

Các khoản chi phí mà Công ty đã chi trả để đền bù giải toả mặt bằng với diện tích 42.545 m<sup>2</sup> theo hợp đồng đền bù giải phóng mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng tại cụm sản xuất An Thạnh số 3/HĐĐB ngày 14 tháng 01 năm 2003; Và chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất là 49 năm.

Tiền thuê đất tại khu công nghiệp Đồng An 2, phường Hoà Phú, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương được trả trước cho tổng diện tích thuê là 65.003,5 m<sup>2</sup>, và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê trả trước là 44 năm (đến ngày 14 tháng 05 năm 2056).

##### **+ Phần mềm kế toán, phần mềm quản lý, phần mềm khai tờ khai Hải quan:**

Phần mềm kế toán được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ trong thời gian 05 năm.

### 6. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty/Doanh nghiệp) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

#### b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2016

### **d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

## **12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

### **a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

### **d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác**



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

### 13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;

- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.



### 14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### 15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

### 16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

### 17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

#### - Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 94/CN-UB do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 08 tháng 08 năm 2003, Công ty được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi kinh doanh có lãi (năm 2007 và 2008) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 04 năm tiếp theo (năm 2009 đến năm 2012) và được hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp theo đầu tư mở rộng theo Thông tư 78/2014/TT-BTC.

#### - Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị đúng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn/ nhận góp vốn;
- Đối với nợ phải thu: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII3.

Công ty sau đây được xem là bên có liên quan

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty THHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư P & Q	Việt Nam	Cổ đông lớn

### 20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 21. Công cụ tài chính

#### a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

### b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

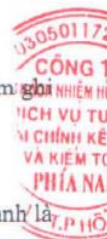
Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH)** : Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính:** Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### 22 Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

#### a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con: phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con: số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành công ty mẹ, công ty liên kết trở thành công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ: đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của tập đoàn cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.303.256.742	498.851.258
+ Tiền mặt (VND)	1.303.256.742	498.851.258
- Tiền gửi ngân hàng	22.805.472.306	50.976.235.007
+ Tiền gửi (VND)	6.978.599.874	7.576.072.135
+ Tiền gửi (USD)	15.826.872.432	43.400.162.872
- Tiền đang chuyển		
- Các khoản tương đương tiền	150.000.000.000	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng BIDV	150.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>174.108.729.048</b>	<b>51.475.086.265</b>



Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, P. An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### 2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### 2.1. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	9.353.176	13.262.800	9.353.176	19.240.400
+ BID	9.353.176	13.262.800	9.353.176	19.240.400
<b>Cộng</b>	<b>9.353.176</b>	<b>13.262.800</b>	<b>9.353.176</b>	<b>19.240.400</b>

**Ghi chú:** Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư / loại cổ phiếu, trái phiếu:

+ Cổ phiếu BID

Số đầu năm

Số cuối năm

Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ
934	9.353.176
934	9.353.176

#### 2.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

##### a. Ngân hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn

**Cộng**

##### b. Dài hạn

2.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	26.000.000.000	26.000.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>26.000.000.000</b>	<b>26.000.000.000</b>		



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### 3 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>3.1. Ngắn hạn</b>		
Đối tượng trong nước	203.222.395.122	262.416.377.930
Đối tượng nước ngoài	155.587.715.993	95.971.852.091
<b>Cộng</b>	<b>358.810.111.115</b>	<b>358.388.230.021</b>
<b>3.2. Dài hạn</b>	-	-
<b>3.3. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-

### 4 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>4.1. Ngắn hạn</b>		
<b>i) Nhà cung cấp - trong nước</b>		
- Khác	7.659.191.879	8.457.718.129
<b>ii) Nhà cung cấp - nước ngoài</b>		
- Esmech Equipment PT Ltd		148.005.872.988
- Baosteel Singapore PTE Ltd	28.051.282.868	
- HongKong Grand International Co., Ltd	45.245.919.654	
- JFE Shoji Trade Corporation - Tokyo Head Office	20.021.345.914	
- Shanghai Jingxiang Industrial Co.,Ltd	18.124.614.000	
- Trả trước cho người bán của công ty con	8.972.719.956	
- Khác	1.326.919.470	18.493.926.136
<b>Cộng</b>	<b>129.401.993.741</b>	<b>174.957.517.253</b>
<b>4.2. Dài hạn</b>		
<b>4.3. Trả trước cho các bên liên quan</b>		



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### 5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>5.1. Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	1.248.095.078		1.118.275.785	
+ Nhân viên	1.248.095.078		1.118.275.785	
- Ký cược, ký quỹ	7.181.384.000		147.218.800	
Ký quỹ VND	3.000.000		3.000.000	
Ký quỹ ngoại tệ (USD)	7.178.384.000		144.218.800	
- Phải thu khác	1.843.564.986		2.315.851.530	
+ Công ty LD Thép Nam Kim	1.776.134.439		2.276.134.439	
+ Bảo hiểm xã hội, thất	851.715		6.138.259	
+ Khác	66.578.832		33.578.832	
<b>Cộng</b>	<b>10.273.044.064</b>		<b>3.581.346.115</b>	
<b>5.2. Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	276.299.965			
Ký quỹ VND				
Ký quỹ ngoại tệ (USD)	276.299.965			
<b>Cộng</b>	<b>276.299.965</b>			



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2016

**6. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi bao gồm:				
Cty TNHH TM & DV Đồng Á	102.780.605	-	102.780.605	-
CTCP TM & SX Thái Bình (*)	1.455.478.000	-	1.455.478.000	-
CTCP TM&DV CK XD Miền Trung	151.325.486	-	151.325.486	-
Cty TNHH MTV TM Thép Hồng Hà	451.430.536	-	451.430.536	-
	<b>2.161.014.627</b>	<b>-</b>	<b>2.161.014.627</b>	<b>-</b>
				<b>3.768.234.022</b>

- Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu

- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn

**Ghi chú:**

(\*) Hoàn nhập trích dự phòng nợ phải thu khó đòi do thi hành án thu hồi được 1.710.000.000 đồng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2016

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.314.224.740.137		509.125.308.961	
- Công cụ, dụng cụ	49.608.387.188		46.457.173.712	
- Chi phí SXKD dở dang	15.915.194		6.289.199.713	
- Thành phẩm	667.744.588.974		533.299.785.014	
- Hàng hóa	1.270.109.402		3.045.554.089	
<b>Cộng</b>	<b>2.032.863.740.895</b>		<b>1.098.217.021.489</b>	

**8 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
8.1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		
8.2. Xây dựng cơ bản dở dang	1.406.944.129.541	243.727.563.420
- Mua sắm tài sản cố định	5.179.651.628	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	1.401.764.477.913	243.727.563.420
+ Xây dựng đầu tư dự án "Nhà máy Nam Kim 3" (*)	1.325.634.367.318	243.727.563.420
+ Xây dựng nhà máy ống thép Nam Kim	76.130.110.595	
- Sửa chữa		
<b>Cộng</b>	<b>1.406.944.129.541</b>	<b>243.727.563.420</b>

(\*) Xây dựng Nhà máy Nam Kim 3:

Chi phí xây dựng đầu tư dự án "Nhà máy Nam kim 3" tại Khu Công Nghiệp Đồng An 2 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết Số 11/NQ-ĐHĐCĐ/15001 ngày 04/04/2015.

Tổng vốn đầu tư đăng ký: **2.330.000.000.000 đồng**

Mục tiêu và quy mô của dự án:

+ Mục tiêu: Sản xuất thép cán, tôn mạ kẽm, mạ nhôm, mạ màu với nguồn nguyên liệu là thép cán nóng, thép cán nguội.

+ Quy mô của dự án: Dây chuyền tẩy rửa 450.000 tấn/năm; Dây chuyền cán nguội 450.000 tấn/năm; dây chuyền mạ kẽm dày 350.000 tấn/năm; Dây chuyền xà băng 150.000 tấn/năm; Dây chuyền mạ màu 120.000 tấn/năm; Dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm 150.000 tấn/năm.



**Công ty Cổ phần Thép Nam Kim**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, P. An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2016

**9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	367.362.725.160	1.305.085.344.472	158.082.784.954	5.537.619.028	985.089.600	1.837.053.563.214
Số tăng trong năm	1.245.808.258	562.831.014.035	12.482.780.201	701.195.000		577.260.797.494
- Mua trong năm		15.011.689.872	320.867.579	701.195.000		16.033.752.451
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.245.808.258	547.819.324.163	12.161.912.622			561.227.045.043
- Tăng khác						
Số giảm trong năm		627.272.727	1.357.227.273			1.984.500.000
- Thanh lý, nhượng bán		627.272.727	1.357.227.273			1.984.500.000
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	368.608.533.418	1.867.289.085.780	169.208.337.882	6.238.814.028	985.089.600	2.412.329.860.708
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	64.660.656.675	335.712.712.405	20.007.089.752	2.742.209.315	409.587.943	423.532.256.090
Số tăng trong năm	21.319.288.678	134.468.151.839	9.239.533.214	626.008.157	51.694.640	165.704.676.528
- Khấu hao trong năm	21.319.288.678	134.468.151.839	9.239.533.214	626.008.157	51.694.640	165.704.676.528
- Tăng khác						
Số giảm trong năm		195.500.010	761.178.277			956.678.287
- Thanh lý, nhượng bán		195.500.010	761.178.277			956.678.287
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	85.979.945.353	469.985.364.234	28.485.444.689	3.368.217.472	461.282.583	588.280.254.331
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	302.702.068.485	969.372.632.067	138.075.695.202	2.795.409.713	575.501.657	1.413.521.307.124
Tại ngày cuối năm	282.628.588.065	1.397.303.721.546	140.722.893.193	2.870.596.556	523.807.017	1.824.049.606.377



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2016

**10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ thuê tài chính khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm		2.167.280.000				2.167.280.000
Số tăng trong năm		2.167.280.000				2.167.280.000
- Thuê tài chính trong năm						
Số giảm trong năm						
Số dư cuối năm		2.167.280.000				2.167.280.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm						
Số tăng trong năm		49.537.189				49.537.189
- Khấu hao trong năm		49.537.189				49.537.189
Số giảm trong năm						
Số dư cuối năm		49.537.189				49.537.189
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm						
Tại ngày cuối năm		2.117.742.811				2.117.742.811



Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, P.An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### 11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm kế toán	TSCD vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	66.909.025.508			135.600.000		67.044.625.508
Số tăng trong năm						
Số giảm trong năm						
Số dư cuối năm	66.909.025.508			135.600.000		67.044.625.508
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.904.121.661			65.540.000		6.969.661.661
Số tăng trong năm	1.498.835.424			27.120.000		1.525.955.424
- Khấu hao trong năm	1.498.835.424			27.120.000		1.525.955.424
Số giảm trong năm						
Số dư cuối năm	8.402.957.085			92.660.000		8.495.617.085
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	60.004.903.847			70.060.000		60.074.963.847
Tại ngày cuối năm	58.506.068.423			42.940.000		58.549.008.423





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### 12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
<b>12.1. Ngắn hạn</b>				
- CCDC xuất dùng	15.904.472.322	56.280.519.170	50.182.524.358	22.002.467.134
- Chi phí quảng cáo	1.568.606.765	2.866.626.109	2.641.231.561	1.794.001.313
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	334.263.520	-	334.263.520	
- Chi phí bảo hiểm	559.175.483	506.714.172	643.627.845	422.261.810
<b>Cộng</b>	<b>18.366.518.090</b>	<b>59.653.859.451</b>	<b>53.801.647.284</b>	<b>24.218.730.257</b>
<b>12.2. Dài hạn</b>				
- CCDC xuất dùng	7.803.013.628	7.670.738.018	7.602.559.129	7.871.192.517
- Chi phí sửa chữa xe nâng, quạt mát	154.112.575	-	66.462.468	87.650.107
- Chi phí cho bể cháo mạ kẽm Nhà máy 2	16.343.995.121	6.325.356.137	7.475.775.209	15.193.576.049
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng	514.761.205	-	203.494.776	311.266.429
<b>Cộng</b>	<b>24.815.882.529</b>	<b>13.996.094.155</b>	<b>15.348.291.582</b>	<b>23.463.685.102</b>

### 13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>13.1. Ngắn hạn</b>		
Phải trả người bán ngắn hạn trong nước	338.902.031.357	766.964.109.906
Phải trả người bán ngắn hạn ngoài nước	90.100.280.041	112.401.562.646
Phải trả người bán ngắn hạn - công ty con	11.637.019.115	
<b>Cộng</b>	<b>440.639.330.513</b>	<b>879.365.672.552</b>
<b>13.2. Dài hạn</b>		
<b>13.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
<b>13.4. Phải trả người bán là các bên liên quan:</b>		

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Khoản mục	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải trả nộp cuối năm
- Thuế GTGT	125.614.659.708	-	1.353.547.282.617	1.549.229.245.915	321.296.623.006	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.261.454.904	-	562.954.938.561	516.445.930.714	-	43.247.552.943
- Thuế xuất nhập khẩu (*)	144.959.324	-	44.316.475.240	37.042.214.563	-	7.129.301.353
- Thuế TNDN	-	2.204.216.948	89.995.715.745	34.514.676.482	-	57.685.256.211
- Thuế TNCN	-	240.337.681	4.849.129.382	4.438.934.262	-	650.532.801
- Thuế, phí, lệ phí khác	-	-	399.118.478	399.118.478	-	-
<b>Cộng</b>	<b>129.021.073.936</b>	<b>2.444.554.629</b>	<b>2.056.062.660.023</b>	<b>2.142.070.120.414</b>	<b>321.296.623.006</b>	<b>108.712.643.308</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2016

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>15.1. Ngắn hạn</b>		
- Chi phí phải trả khác ngắn hạn	90.909.091	90.909.091
- Lãi vay trái phiếu	4.717.995.628	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.808.904.719</u></b>	<b><u>90.909.091</u></b>
<b>15.2. Dài hạn</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**16 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>16.1. Ngắn hạn</b>		
- BHXH, BHYT, BHTN	36.041.056	135.850.099
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	96.698.179	114.679.202
<b>Cộng</b>	<b><u>132.739.235</u></b>	<b><u>250.529.301</u></b>
<b>16.2. Dài hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	399.090.000	399.090.000
- Công ty LD Thép Nam Kim	900.000.000	900.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.299.090.000</u></b>	<b><u>1.299.090.000</u></b>
<b>16.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2016

**17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**  
**17.1. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Việt Nam đồng</b>	<b>98.819.681.972</b>	<b>98.819.681.972</b>	<b>1.777.350.486.828</b>	<b>2.106.567.029.412</b>	<b>428.036.224.556</b>	<b>428.036.224.556</b>
- NH Đầu tư và Phát triển VN	5.741.517.792	5.741.517.792	1.058.496.191.511	1.430.989.779.666	378.235.105.947	378.235.105.947
- NH TMCP Đông Á			148.900.000.000	148.900.000.000		
- NH Công Thương Việt Nam			240.883.898.572	240.883.898.572		
- NH Ngoại thương Việt Nam	27.088.324.395	27.088.324.395	144.689.368.406	121.402.162.620	3.801.118.609	3.801.118.609
- NH Xăng dầu Petrolimex	65.989.839.785	65.989.839.785	184.381.028.339	164.391.188.554	46.000.000.000	46.000.000.000
<b>Đô la Mỹ</b>	<b>2.197.062.924.264</b>	<b>2.197.062.924.264</b>	<b>4.767.211.636.135</b>	<b>3.308.083.123.187</b>	<b>737.934.411.316</b>	<b>737.934.411.316</b>
- NH Đầu tư và Phát triển VN	1.240.828.521.965	1.240.828.521.965	2.984.685.421.262	2.322.027.536.586	578.170.637.289	578.170.637.289
- NH Công Thương Việt Nam	384.197.897.815	384.197.897.815	526.895.515.499	142.697.617.684		
- NH Ngoại thương Việt Nam	97.488.159.921	97.488.159.921	309.196.895.484	232.936.657.690	21.227.922.127	21.227.922.127
- NH Xăng dầu Petrolimex	46.117.578.724	46.117.578.724	253.779.954.971	296.022.478.147	88.360.101.900	88.360.101.900
- NH Việt Nam Thịnh Vượng	119.963.541.009	119.963.541.009	258.751.140.868	188.963.349.859	50.175.750.000	50.175.750.000
- NH XD Trung Quốc	123.134.370.000	123.134.370.000	216.055.745.000	92.921.375.000		
- NH TMCP Tiên Phong	147.506.943.380	147.506.943.380	180.021.051.601	32.514.108.221		
- NH TMCP Tiên Phong (cũ con)	37.825.911.450	37.825.911.450	37.825.911.450			
<b>Cộng</b>	<b>2.295.882.606.236</b>	<b>2.295.882.606.236</b>	<b>6.544.562.122.963</b>	<b>5.414.650.152.599</b>	<b>1.165.970.635.872</b>	<b>1.165.970.635.872</b>



**Công ty Cổ phần Thép Nam Kim**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2016

**17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

**17.2. Dài hạn (\*)**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay dài hạn ngân hàng (a)	1.488.404.650.348	1.488.404.650.348	1.348.045.459.555	671.603.019.925	811.962.210.718	811.962.210.718
- Trái phiếu thường (b)	370.000.000.000	370.000.000.000	370.000.000.000			
- Các khoản nợ thuê tài chính (c)	1.638.131.754		1.762.133.890	124.002.136		
<b>Cộng</b>	<b>1.860.042.782.102</b>	<b>1.858.404.650.348</b>	<b>1.719.807.593.445</b>	<b>671.727.022.061</b>	<b>811.962.210.718</b>	<b>811.962.210.718</b>

(\*) Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

a. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Việt Nam đồng</b>	<b>1.434.456.891.628</b>	<b>1.434.456.891.628</b>	<b>1.298.422.468.835</b>	<b>485.924.794.676</b>	<b>621.959.217.469</b>	<b>621.959.217.469</b>
- NH TMCP Đông Á				338.968.390.000	338.968.390.000	338.968.390.000
- NH Công Thương Việt Nam	3.150.000.000	3.150.000.000	3.500.000.000	350.000.000		
- NH Đầu tư và Phát triển VN	1.419.406.891.628	1.419.406.891.628	1.294.922.468.835	146.106.404.676	270.590.827.469	270.590.827.469
- NH Ngoại thương Việt Nam	11.900.000.000	11.900.000.000		500.000.000	12.400.000.000	12.400.000.000
<b>Đô la Mỹ</b>	<b>53.947.758.720</b>	<b>53.947.758.720</b>	<b>49.622.990.720</b>	<b>185.678.225.249</b>	<b>190.002.993.249</b>	<b>190.002.993.249</b>
- NH TMCP Đông Á				185.678.225.249	185.678.225.249	185.678.225.249
- NH Đầu tư và Phát triển VN	53.947.758.720	53.947.758.720	49.622.990.720		4.324.768.000	4.324.768.000
<b>Cộng</b>	<b>1.488.404.650.348</b>	<b>1.488.404.650.348</b>	<b>1.348.045.459.555</b>	<b>671.603.019.925</b>	<b>811.962.210.718</b>	<b>811.962.210.718</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2016

**17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

**b. Trái phiếu thường**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Lãi suất
Loại phát hành theo mệnh giá (*)	370.000.000.000	Lãi suất linh hoạt	5 năm	
<b>Cộng</b>	<b>370.000.000.000</b>			

**Ghi chú (\*)**

Năm 2016, Công ty thực hiện phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐQT ban hành ngày 04 tháng 01 năm 2016, cụ thể:

- Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành : 370.000.000.000 đồng - Mệnh giá trái phiếu : 1.000.000.000 đồng/trái phiếu
- Loại trái phiếu : Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được đảm bảo bằng tài sản
- Hình thức trái phiếu : Bút toán ghi sổ
- Lãi suất trái phiếu : Cố định kết hợp thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần; kỳ tính lãi đầu tiên lãi suất là 10,9%/năm.
- Thời hạn : 5 năm từ ngày 06/08/2016 đến ngày 06/08/2021
- Phương thức phát hành : Phát hành riêng lẻ thông qua đại lý phát hành
- Thanh toán lãi : 6 tháng/lần - Thanh toán gốc : Ngày đáo hạn
- Mục đích phát hành : Bổ sung vốn lưu động và cơ cấu lại các khoản nợ của công ty
- Tài sản đảm bảo : Tài sản thuộc sở hữu của CTCP Thép Nam Kim tại Nhà máy Nam Kim 2 có địa chỉ tại Khu công nghiệp Đồng An 2, P. Hoa Phú, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, bao gồm nhưng không giới hạn ở quyền sử dụng, tài sản gắn liền với đất và dây chuyền máy móc thiết bị, đảm bảo tối thiểu 100% tổng mệnh giá trái phiếu phát hành.

**c. Các khoản nợ thuế tài chính**

Thời hạn	Năm nay		Năm trước	
	Tổng thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc	Tổng thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến dưới 5 năm (*)	1.762.133.890	124.002.136	6.537.190	124.002.136

(\*) Ghi chú: thuế tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh





## Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, P. An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

## Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>399.000.000.000</b>	<b>62.100.000.000</b>	<b>7.947.406.623</b>		<b>37.418.831.393</b>		<b>506.466.238.016</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm trước					126.060.765.192		126.060.765.192
- Tăng vốn trong năm trước	39.899.200.000		1.122.564.942	1.122.564.942			42.144.329.884
- Trích lập các quỹ					(2.993.506.512)		(2.993.506.512)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>					(748.376.628)		(748.376.628)
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>					(1.122.564.942)		(1.122.564.942)
+ <i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở</i>					(1.122.564.942)		(1.122.564.942)
- Chia cổ tức					(31.919.200.000)		(31.919.200.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>438.899.200.000</b>	<b>62.100.000.000</b>	<b>9.069.971.565</b>	<b>1.122.564.942</b>	<b>128.566.890.073</b>		<b>639.758.626.580</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm nay					517.770.015.364	(396.390)	517.769.618.974
- Tăng vốn trong năm nay	221.444.410.000	263.800.000.000	3.781.822.956	3.781.822.956		3.000.000.000	495.808.055.912
- Trích lập các quỹ					(11.345.468.868)		(11.345.468.868)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>					(3.781.822.956)		(3.781.822.956)
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>					(3.781.822.956)		(3.781.822.956)
+ <i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở</i>					(3.781.822.956)		(3.781.822.956)
- Chia cổ tức		(61.544.410.000)					(61.544.410.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>660.343.610.000</b>	<b>264.355.590.000</b>	<b>12.851.794.521</b>	<b>4.904.387.898</b>	<b>634.991.436.569</b>	<b>2.999.603.610</b>	<b>1.580.446.422.598</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### 18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

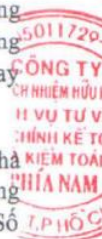
#### b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	438.899.200.000	399.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm (*)	221.444.410.000	39.899.200.000
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	660.343.610.000	438.899.200.000
- <b>Cổ tức lợi nhuận đã chia</b>	61.544.410.000	

(\*) Trong năm Công ty phát hành cổ phiếu 02 đợt:

**Đợt 1:** Công ty phát hành 6.144.441 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết số 12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/12/2015 của Đại hội đồng cổ đông. Ngày 22/03/2016 Công ty đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 5 Số 02/2011/GCNCP-VSD-5 về việc đăng ký bổ sung cổ phiếu niêm yết.

**Đợt 2:** Công ty phát hành riêng lẻ 16.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu cho các nhà đầu tư theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/11/2015. Ngày 30/11/2016 Công ty đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 6 Số 02/2011/GCNCP-VSD-6 về việc đăng ký bổ sung cổ phiếu niêm yết.



#### c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.034.361	43.889.920
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	66.034.361	43.889.920
+ Cổ phiếu phổ thông	66.034.361	43.889.920
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.034.361	43.889.920
+ Cổ phiếu phổ thông	66.034.361	43.889.920
+ Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### 18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### e. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	12.851.794.521	9.069.971.565
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.904.387.898	1.122.564.942

### 19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
19.1. Tài sản thuê ngoài		
19.2. Tài sản nhận giữ hộ		
19.3. Ngoại tệ các loại		
+ Ngoại tệ gốc USD	<u>696.269,82</u>	<u>1.933.192,11</u>
19.4. Vàng tiền tệ		
19.5. Nợ khó đòi đã xử lý (*)	<u>57.186.797.535</u>	<u>57.186.797.535</u>

Đối tượng	Giá trị VND	Thời điểm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
Cty TNHH TM Tân Nghệ An	27.696.879.535	2015	Không thu hồi được
Cty TNHH Thép Minh Thanh	29.489.918.000	2015	Không thu hồi được
	<u>57.186.797.535</u>		

(\*) Xóa nợ theo Nghị quyết 01/HĐQT/15148 ngày 30/12/2015 do không thu hồi được.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>1.1. Doanh thu</b>		
- Doanh thu nội địa	5.004.627.090.887	3.034.486.442.215
- Doanh thu xuất khẩu	3.869.039.356.809	2.705.642.100.451
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	67.948.722.590	16.031.358.190
<b>Cộng</b>	<b><u>8.941.615.170.286</u></b>	<b><u>5.756.159.900.856</u></b>

#### 1.2. Doanh thu đối với các bên liên quan

1.3. Trường hợp ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản là tổng số tiền nhận trước:

#### 2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	67.101.819	126.408.737
- Giảm giá hàng bán	1.267.590.556	2.407.228.520
- Hàng bán bị trả lại	4.033.812.044	2.867.942.081
<b>Cộng</b>	<b><u>5.368.504.419</u></b>	<b><u>5.401.579.338</u></b>

#### 3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn nội địa	4.585.320.103.474	2.927.496.552.486
- Giá vốn xuất khẩu	3.279.103.102.185	2.369.253.458.309
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	59.853.390.244	7.477.045.995
<b>Cộng</b>	<b><u>7.924.276.595.903</u></b>	<b><u>5.304.227.056.790</u></b>

#### 4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.261.137.702	876.095.659
- Lãi bán các khoản đầu tư tài chính		4.019.259
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	793.900	11.069.040
- Lãi chênh lệch tỷ giá	109.215.704.140	40.812.658.559
<b>Cộng</b>	<b><u>110.477.635.742</u></b>	<b><u>41.703.842.517</u></b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	141.639.235.518	81.783.660.055
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	79.645.893.773	55.634.314.685
- Thanh toán LC, lãi chiết khấu...	74.021.279.034	57.997.581.018
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá CK kinh doanh		(47.299.000)
- Chi phí phát hành trái phiếu	3.700.000.000	
- Chi phí khác	460.004.559	
<b>Cộng</b>	<b>299.466.412.884</b>	<b>195.368.256.758</b>

### 6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thu tiền bồi thường, phạt, hỗ trợ phí vận chuyển...	3.406.222.256	1.439.564.567
- Các khoản thu nhập khác	73.716.926	184.135.785
<b>Cộng</b>	<b>3.479.939.182</b>	<b>1.623.700.352</b>

### 7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	455.094.441	125.188.492
- Các khoản chi phí khác	2.676.391.644	1.147.583.998
<b>Cộng</b>	<b>3.131.486.085</b>	<b>1.272.772.490</b>

### 8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
<b>8.1. Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nguyên, vật liệu	2.593.101.605	393.251.747
- Chi phí công cụ, dụng cụ	69.811.559	56.080.392
- Chi phí nhân công	15.627.712.484	10.493.823.757
- Chi phí khấu hao	2.958.863.232	1.875.054.941
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.465.741.954	4.302.754.837
- Chi phí bằng tiền khác	121.004.859.707	78.025.914.982
<b>Cộng</b>	<b>161.720.090.541</b>	<b>95.146.880.656</b>
<b>8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.515.531.443	1.023.794.758
- Chi phí nhân viên quản lý	26.696.521.765	18.466.263.535
- Chi phí khấu hao	3.255.901.109	3.697.370.403
- Thuế, phí, lệ phí	575.105.481	
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	102.780.605	301.378.011
- Chi phí khác bằng tiền	23.408.693.341	18.333.533.401
- Hoàn nhập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.710.000.000)	(170.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>53.844.533.744</b>	<b>41.652.340.108</b>

30501  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	89.995.715.745	30.357.792.393
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
<b>Cộng</b>	<b>89.995.715.745</b>	<b>30.357.792.393</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	607.765.121.634	156.418.557.585
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	4.519.804.298	2.794.138.081
Chi phí không hợp lệ không được khấu trừ	4.519.804.298	2.742.113.275
Chi phạt vi phạm		52.024.806
+ Các khoản điều chỉnh giảm	793.900	11.069.040
Nhận cổ tức được chia	793.900	11.069.040
- Chuyển lỗ các năm trước		
- Tổng thu nhập chịu thuế	612.284.132.032	159.201.626.626
Trong đó:		
+ Thu nhập chịu thuế được hưởng mức thuế suất ưu đãi	162.306.618.732	21.211.661.204
+ Thu nhập chịu thuế theo thuế suất thông thường	449.977.513.300	137.989.965.422
- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	89.995.715.745	30.357.792.393
+ Thuế suất thông thường	20%	22%
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	89.995.715.745	30.357.792.393
+ Thuế TNDN được áp dụng thuế suất ưu đãi		

#### Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 10 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	517.770.015.364	126.060.765.192
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	3.781.822.956	748.376.628
- Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong	50.023.038	41.557.178
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>10.275</b>	<b>3.015</b>

### 11 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Chi tiêu này phản ánh lãi suy giảm trên cổ phiếu, có tính đến tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	517.770.015.364	126.060.765.192
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	3.781.822.956	
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm (*)	33.017.180	6.144.588
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong	50.023.038	41.557.178
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>6.190</b>	<b>2.627</b>

**Ghi chú (\*)** Theo Nghị quyết Số 01/2017/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 50%, trong đó chi trả cổ tức năm 2015 là 15% và ứng trước cổ tức năm 2016 là 35%. Tỷ lệ thực hiện là 100:50; số cổ phần dự kiến phát hành là 33.017.180 cổ phần.

### VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### 1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong kỳ, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

#### 2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không có.

#### 3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	8.102.135.932.700	4.040.636.325.608

#### 4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	6.086.253.172.524	3.103.359.361.105



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

3 . Thông tin về các bên liên quan có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu:

#### 3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan	Ban Quản trị và các thành viên trong gia đình
+ Công ty TNHH ĐT TM DV P&Q	Cổ đông lớn

#### 3.2. Giao dịch với bên có liên quan

a. Bên liên quan là các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập Ban Quản trị	8.799.064.203	7.379.629.961

#### b. Bên liên quan khác

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

+ Công ty TNHH ĐT TM DV P&Q

Tăng vốn bằng cổ tức được chia	15.120.000.000	8.000.000.000
--------------------------------	----------------	---------------

### 4. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### 4.1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có trụ sở và chi nhánh hoạt động tại Tỉnh Bình Dương, chi nhánh Miền Tây và chi nhánh Miền Bắc, các Chi nhánh chủ yếu giao dịch và hạch toán phụ thuộc nên chưa phát sinh các nghiệp vụ lớn chủ yếu tập trung ở Bình Dương. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### Năm 2016

#### 4.2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh các loại tôn thép :  
tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm thép.

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng - Nội địa	5.004.627.090.887	3.034.486.442.215
Doanh thu bán hàng - Xuất khẩu	3.869.039.356.809	2.705.642.100.451
Doanh thu cung cấp dịch vụ	67.948.722.590	16.031.358.190
<b>Cộng</b>	<b>8.941.615.170.286</b>	<b>5.756.159.900.856</b>

#### 5. Thuê hoạt động

Công ty thuê đất làm trụ sở hoạt động chính tại đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với diện tích 42.545 m<sup>2</sup> thời gian thuê đất là 49 năm.

Công ty thuê đất hoạt động chi nhánh tại khu công nghiệp Đồng An 2, phường Hoà Phú, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương được trả trước cho tổng diện tích thuê là 65.003,5 m<sup>2</sup>, và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê trả trước là 47 năm (đến ngày 14 tháng 05 năm 2056).

Năm 2015, Công ty thuê đất hoạt động chi nhánh tại khu công nghiệp Đồng An 2, Thừa mớ số: 163 tờ bản đồ số 1, Lô A1, đường Đ2, KCN Đồng An 2, phường Hoà Phú, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương được trả trước cho tổng diện tích thuê là 85.078,3 m<sup>2</sup> theo thời gian thuê trả trước là 41 năm (kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2015 đến ngày 14 tháng 05 năm 2056) để đầu tư dự án mới "Nhà máy Nam kim 3" theo Nghị quyết Số 02/2015/NQ-HĐQT ngày 10/03/2015.

#### 6. Quản lý rủi ro của Công ty

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Quản trị Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

##### 6.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### a. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Nợ gốc của các khoản vay ngân hàng bằng USD của Công ty đều đã được dự phòng rủi ro tỷ giá hối đoái thông qua các hợp đồng kỳ hạn có ngày đáo hạn vào cùng thời điểm trả nợ của các khoản vay này.

### b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### c. Rủi ro về giá

#### Rủi ro về giá cổ phiếu:

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm.

Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

#### Rủi ro về giá bất động sản:

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

- Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

### 6.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

### b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 6.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

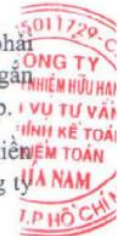
Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	2.295.882.606.236	1.860.042.782.102		4.155.925.388.338
Phải trả người bán	440.639.330.513			440.639.330.513
Phải trả người lao động	18.267.868.106			18.267.868.106
Chi phí phải trả	4.808.904.719			4.808.904.719
Các khoản phải trả khác	132.739.235	1.299.090.000		1.431.829.235
<b>Cộng</b>	<b>2.759.731.448.809</b>	<b>1.861.341.872.102</b>	<b>-</b>	<b>4.621.073.320.911</b>

### Số đầu năm

Vay và nợ	1.165.970.635.872		811.962.210.718	1.977.932.846.590
Phải trả người bán	879.365.672.552			879.365.672.552
Phải trả người lao động	8.873.763.132			8.873.763.132
Chi phí phải trả	90.909.091			90.909.091
Các khoản phải trả khác	250.529.301	1.299.090.000		1.549.619.301
<b>Cộng</b>	<b>2.054.551.509.948</b>	<b>1.299.090.000</b>	<b>811.962.210.718</b>	<b>2.867.812.810.666</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### 7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	174.108.729.048	51.475.086.265	174.108.729.048	51.475.086.265
Phải thu khách hàng	358.810.111.115	358.388.230.021	358.810.111.115	358.388.230.021
Trả trước cho người bán	129.401.993.741	174.957.517.253	129.401.993.741	174.957.517.253
Các khoản phải thu khác	10.549.344.029	3.581.346.115	10.549.344.029	3.581.346.115
<b>Cộng</b>	<b>672.870.177.933</b>	<b>588.402.179.654</b>	<b>672.870.177.933</b>	<b>588.402.179.654</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	440.639.330.513	879.365.672.552	440.639.330.513	879.365.672.552
Người mua trả tiền trước	76.188.232.135	62.301.483.297	76.188.232.135	62.301.483.297
Vay và nợ	4.155.925.388.338	1.977.932.846.590	4.155.925.388.338	1.977.932.846.590
Phải trả người lao động	18.267.868.106	8.873.763.132	18.267.868.106	8.873.763.132
Chi phí phải trả	4.808.904.719	90.909.091	4.808.904.719	90.909.091
Các khoản phải trả khác	1.431.829.235	1.549.619.301	1.431.829.235	1.549.619.301
<b>Cộng</b>	<b>4.697.261.553.046</b>	<b>2.930.114.293.963</b>	<b>4.697.261.553.046</b>	<b>2.930.114.293.963</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Quản trị cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### 8. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### 9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu



Trần Minh Tiến

Kế toán trưởng



Trần Ngọc Diệu

Lập, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Người đại diện theo pháp luật



Hồ Minh Quang





# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**



*Bình Dương, ngày 15 tháng 04 năm 2017*

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

A handwritten signature in blue ink is written over a red circular official stamp. The stamp contains the following text: 'M.S.D.N:3700477019-C.T.C.P' around the top edge, 'CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM' in the center, and 'TX. THẮN AN-T. BÌNH DƯƠNG' around the bottom edge.

**PHẠM MẠNH HÙNG**

